



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1058 /CPC1- PC

V/v công bố thông tin Bản án số  
138/2025/KDTM –PT của Tòa án Nhân dân  
Thành phố Hà Nội

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội.

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1

Mã chứng khoán: DP1

Địa chỉ trụ sở chính: Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận  
Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0243. 8643306 Fax: 0243. 8641366

Loại thông tin công bố:

Bất thường 24 giờ  Theo yêu cầu  Định kỳ  Khác

**Nội dung công bố thông tin:**

Ngày 24/06/2025, Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 nhận được Bản án số: 138/2025/KDTM - PT ngày 09/6/2025 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc tranh chấp hợp đồng bảo hiểm (*Bản án đính kèm*).

Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 xin được công bố thông tin Bản án có hiệu lực pháp luật liên quan đến hoạt động của công ty.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn [www.cpc1.com.vn](http://www.cpc1.com.vn) - Cổ đông.

Công ty chúng tôi xin cam kết thông tin được công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT (để b/c)
- Ban điều hành (để phối hợp)
- Lưu: VT, PC, TCKT.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN  
CÔNG BỐ THÔNG TIN  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Bùi Thị Thanh Hải**

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 138/2025/KDTM-PT

Ngày: 09/6/2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng bảo  
hiểm.



NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Bằng

Các Thẩm phán: Ông Tống Quốc Thanh

Ông Trần Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên, bà Nguyễn Thị Thanh Hoa

- Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Đào Thị Mai Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 09/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 06/2025/TLPT-KDTM ngày 20/01/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 96/2024/KDTM-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 412/2025/QĐXX-PT ngày 13/5/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 453/2025/QĐ-HPT ngày 30/5/2025 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (Sau đây gọi tắt là Công ty CPC1);**

Địa chỉ: 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Hàn Thị Khánh Vinh – Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị Lan Hương, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tòa nhà S2.05 khu đô thị Vinhomes Ocean Park xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, Hà Nội (theo Giấy ủy quyền ngày 01/10/2024). (có mặt)



*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Luật sư Vũ Văn Nho – Công ty Luật TNHH Đông Nam Hải, Địa chỉ: 39 tập thể Cục cảnh sát hình sự, ngõ 187 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội (có mặt).

**2. Bị đơn: Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Sau đây gọi tắt là VBI);**

*Trụ sở:* Tầng 10, 11 Tòa nhà 126 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, TP Hà Nội;

*Địa chỉ chi nhánh tại:* Tầng 9 số 19-21 Yên Lãng, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

*Đại diện theo pháp luật:* Bà Bùi Thị Thanh Xuân – Phó Tổng Giám đốc.

*Đại diện theo ủy quyền:*

- Ông Nguyễn Tuấn Anh – Chức vụ: Giám đốc Ban Bồi thường, Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (có mặt)

- Ông Lê Hải Long, bà Hoàng Thị Nhung và bà Nguyễn Thị Minh Thảo - Bảo hiểm Vietinbank. (bà Nhung, bà Thảo có mặt)

- Văn phòng Luật sư BQH và Cộng sự;

*Địa chỉ:* Phòng 401 tầng 4 tòa nhà D10 Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, TP Hà Nội; Ông Bùi Quang Hưng – Trưởng Văn phòng (có mặt)

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

**3.1 Panpharma GmbH.**

*Trụ sở:* Bunsenstrasse 4, D-22946, Tritttau, Đức.

*Đại diện theo ủy quyền:* Văn phòng Đại diện Panpharma GmbH tại thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**3.2 Công ty cổ phần tiếp vận HHBL.**

*Trụ sở:* Số 37B, ngõ 55, phố Chính Kinh, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

*Đại diện theo pháp luật:* Ông Phạm Văn Hậu – Giám đốc.

*Địa chỉ liên hệ:* TDP Kem, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa - nguyên đơn do đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương CPC1 (Sau đây viết tắt là CPC1) và Công ty cổ phần bảo hiểm Vietinbank Hà Nội thuộc Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Sau đây viết tắt là VBI) đã ký kết Hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm hàng hóa vận chuyển số 003.KD05.GCN.HH3.22.001514 ngày 01/3/2022 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng bảo hiểm 003). Theo đó VBI cấp cho CPC1 bảo hiểm hàng hóa nhập khẩu cho các Lô hàng Heparine nhập khẩu từ nhà sản xuất Panpharma (Đức).

Trước khi xảy ra sự kiện bảo hiểm đối với lô hàng được cấp GCNBH số 003.KD05.GCN.HH3.22.005118 ngày 06/6/2022, sửa đổi, bổ sung GCNBH số 1/22/003.KD05.GCN.HH3.22.005118 cấp ngày 08/6/2022, CPC1 đã được VBI cấp các GCNBH để thực hiện nhập khẩu nhiều lô hàng Heparine từ Công ty Panpharma có cùng tính chất vận chuyển, cùng phương thức đóng gói, VD: GCN bảo hiểm hàng hóa nhập khẩu số 003.KD05.GCN.HH3.22.002542 ngày 25/03/2022; số 003.KD05.GCN.HH3.22.003425 ngày 11/04/2022.

Ngày 11/6/2022, Lô hàng Heparine được cấp GCNBH số 003.KD05.GCN.HH3.22.005118 ngày 06/6/2022 và sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận bảo hiểm số 1/22/003.KD05.GCN.HH3.22.005118 cấp ngày 08/6/2022 được vận chuyển trên chuyến bay số hiệu VN036/10JUN đi từ sân bay Frankfurt (Đức) về đến sân bay Nội Bài. CPC1 đã sử dụng xe chuyên dụng bảo quản mát vận chuyển lô hàng về đến kho CPC1 tại số 356 Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Ngày 13/6/2022, CPC1 kiểm tra lô hàng và trích xuất dữ liệu thông tin từ data logger phát hiện lô hàng có khoảng thời gian từ 8:58:58 đến 11:38:58 ngày 10/6/2023 (khoảng 3 giờ) bị vượt nhiệt độ quá 60°C, nhiệt độ cao nhất ghi nhận là 74,4°C vào thời điểm 11:28:58 ngày 10/6/2022.

Ngày 16/6/2022, CPC1 đã gửi Công văn số 1714/CPC1-XNK cho VBI thông báo tình trạng tổn thất lô hàng.

Ngày 24/6/2022, VBI cử Công ty giám định Spica đến CPC1 giám định lô hàng bị thiệt hại.

Ngày 24/6/2022 Spica ban hành Báo cáo giám định số 14131/22HP kết luận: (i) Nguyên nhân tổn thất: Người xếp hàng đã xếp hàng hóa không đúng vị trí nên hàng hóa đã bị quá nhiệt trong quá trình vận chuyển trước khi chủ hàng nhận hàng; (ii) Mức độ tổn thất: chưa thể xác định do chưa kiểm tra chất lượng.

Tuy nhiên, ngày 08/4/2024 CPC1 nhận được Công văn số 725/CV-VBI3.2 ngày 03/4/2024 trong đó có văn bản 09.2024/CV-SPICA ngày 19/2/2024 của Công ty giám định Spica thu hồi Báo cáo giám định 14131/22HP đã gửi tới CPC1 và VBI, trong đó văn bản của Công ty giám định Spica nêu rõ: Về nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự cố trên chúng tôi không đủ cơ sở để xác định nguyên nhân

dẫn đến việc cảm biến nhiệt bị tăng nhiệt độ như nhật ký ghi nhiệt đã ghi; Về mức độ tổn thất: Chưa đủ cơ sở xác định mức độ tổn thất của lô hàng.

Ngày 27/6/2022, CPC1 và VBI họp thống nhất: (i) CPC1 cung cấp bổ sung tài liệu; (ii) VBI thuê một đơn vị giám định độc lập: Atlantis.

Ngày 02/8/2022, Atlantis cử người đến lấy mẫu tại CPC1: 07 hộp mẫu đại diện cho 07 pallets và thuê Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương thực hiện việc kiểm nghiệm.

Ngày 24/8/2022, CPC1 và VBI họp về việc: (i) Tiến hành kiểm nghiệm thuốc; và (ii) Giám định data logger.

Ngày 08/9/2022, CPC1 bàn giao data logger cho Công ty Atlantis để giám định. Sau đó Công ty Atlantis đã trả lại và không có Kết luận giám định. Trong tất cả các báo cáo, văn bản của Công ty Atlantis không có bất kỳ nội dung nào thể hiện việc datalogger có vấn đề.

Ngày 20/9/2022 Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương lấy bổ sung 01 mẫu riêng của pallet số 7 (có chứa data logger) để thực hiện kiểm nghiệm.

Ngày 21/10/2022, Viện kiểm nghiệm thuốc Trung ương trả kết quả "**thuốc không đạt**".

Ngày 13/3/2023, VBI gửi Báo cáo giám định của đơn vị Cosmismar cập nhật ngày 21/02/2023. Nội dung chính báo cáo giám định: (i) Vận đơn hàng không đề cập đến "+++KEEP COOL, sẽ rất khó để duy trì nhiệt độ này mọi lúc khi hàng hóa được vận chuyển vào mùa hè từ Đức đến Việt Nam mà không có bất kỳ bao bì hoặc thùng chứa kiểm soát nhiệt độ nào. (ii) Không có dấu hiệu cảnh báo hoặc chỉ báo nhiệt độ trên thùng carton hoặc pallet. (iii) Nhà sản xuất, người bán không tuân thủ các thông số kỹ thuật về bảo quản hàng hóa trong quá trình vận chuyển bằng cách không cung cấp cho hàng hóa bao bì đậy nhiệt hoặc tương tự để đảm bảo rằng Heparine không vượt quá 25°C.

Ngày 23/3/2023, CPC1 gửi công văn phúc đáp về báo cáo của Cosmismar cho VBI trong đó nêu rõ: (i) CPC1 đã cung cấp cho VBI bản vận đơn có ghi rõ điều kiện bảo quản 15°C đến 25°C; (ii) Có nhãn chỉ thị nhiệt độ trên Pallet; (iii) Có sự tổn thất toàn bộ hàng do vượt quá nhiệt độ cho phép và có khuyến cáo của Nhà sản xuất về việc hủy bỏ lô hàng.

Ngày 21/8/2023, VBI căn cứ báo cáo thiếu căn cứ và sai thực tế của Cosmismar ra thông báo số 2208/CV-VB13.2 từ chối chi trả bảo hiểm.

Từ ngày 21/8/2023 đến nay, CPC1 đã làm việc nhiều lần với VBI nhưng VBI giữ nguyên quan điểm từ chối chi trả bảo hiểm cho CPC1.

**Những căn cứ để CPC1 yêu cầu VBI bồi thường:**

*Thứ nhất*, theo dẫn chứng tại Điều 5.1 Điều khoản bảo hiểm hàng không ICC 1/1/82 (đính kèm theo Hợp đồng bảo hiểm số 003) quy định về “Thời hạn bảo hiểm” như sau: “*Bảo hiểm này có hiệu lực từ khi đối tượng bảo hiểm rời kho, nhà hay nơi lưu chứa tại địa điểm ghi trong đơn bảo hiểm này... để bắt đầu việc vận chuyển, tiếp tục quá trình vận chuyển bình thường....*”. Theo Giấy chứng nhận bảo hiểm hàng hóa nhập khẩu (“GCNBH”) số 003.KD05.GCN.HH3.22.005118 ngày 06/6/2022 và sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận bảo hiểm số 1/22/003.KD05.GCN.HH3.22.005118 cấp ngày 08/6/2022, địa điểm ghi trên đơn bảo hiểm “*Nơi đi*” là “*Sân bay Frankfurt, Đức*”, vậy phải được hiểu bảo hiểm này có hiệu lực từ khi đối tượng bảo hiểm rời kho, nơi chứa của “*Sân bay Frankfurt, Đức*” để đưa vào quá trình vận chuyển bình thường lên máy bay – rời Sân bay Frankfurt, Đức và về Việt Nam chứ không thể hiểu theo giải thích của Bị đơn là từ khi máy bay rời khỏi Sân bay Frankfurt, Đức.

Căn cứ bản tra cứu hành trình có thể thấy, hàng hóa bảo hiểm đã được chuyển cho Hãng bay - Người chuyên chở từ 13:45 ngày 08/6/2022, phù hợp với ngày bị đơn phát hành GCNBH sửa đổi, bổ sung và cũng là GCNBH cuối cùng liên quan đến vụ việc. Nguyên đơn không lưu kho hàng hóa tại Sân bay mà hàng hóa được đưa vào quá trình vận chuyển bình thường để tiếp tục vận chuyển về Việt Nam. Theo đó, phải xác định thời điểm có hiệu lực của bảo hiểm là từ ngày 08/6/2022.

Thực tế Nguyên đơn được bên Bảo hiểm (Bị đơn) tư vấn trước khi cấp bảo hiểm rằng: Chủ hàng (Nguyên đơn) chỉ cần hiểu rằng, hàng hoá đã được bàn giao cho Người chuyên chở, ở đây là Vietnam Airlines, thì từ thời điểm đó, hàng hoá đã được Bảo hiểm bởi bên Bảo hiểm. Khi đó, quá trình vận tải hàng hoá được xác định đã bắt đầu. Thực tế Nguyên đơn không kiểm soát được quá trình vận chuyển hàng hóa, dù việc vận chuyển chậm trễ hay không hoặc dù hàng hóa có phải lưu kho hay không. Sau khi hàng hóa được giao cho Người chuyên chở, việc vận chuyển tiếp theo thuộc quyền định đoạt của Người chuyên chở, ngoài khả năng kiểm soát của nguyên đơn và nguyên đơn không phải chịu trách nhiệm đối với thời gian chậm trễ nếu có. Điều này cũng phù hợp với quy định tại Điều 5.3 Điều khoản bảo hiểm hàng không ICC 1/1/82 (đính kèm theo Hợp đồng bảo hiểm số 003): “*Bảo hiểm này sẽ vẫn giữ nguyên hiệu lực (tuân theo các quy định chấm dứt hiệu lực như trên và như ở Điều 6 dưới đây) trong thời gian bị chậm trễ ngoài khả năng kiểm soát của Người được bảo hiểm, trong thời gian thay đổi hành trình bởi việc sử dụng quyền tự định đoạt của Người chuyên chở hàng không theo hợp đồng chuyên chở*”.

*Thứ hai*, thời gian cài đặt của thiết bị theo dõi nhiệt độ (data logger) là UTC+00.00, thời gian ghi nhận trên tra cứu hành trình là thời giờ tại Đức. Theo quy đổi giờ quốc tế sẽ chênh lệch 02 giờ giữa giờ UTC với giờ tại Đức, nghĩa là để cùng hệ quy chiếu thời gian với bảng tra cứu hành trình thì dữ liệu thời gian

trên Data Report cần cộng thêm 02 giờ. Thực tế, thời gian xảy ra sự kiện bảo hiểm theo ghi nhận của thiết bị theo dõi nhiệt độ là từ 8:58:58 ngày 10/6/2022 đến 11:38:58 ngày 10/6/2022, quy đổi sang giờ tại Đức là 10:58:58 ngày 10/6/2022 đến 13:38:58 ngày 10/6/2022. Chuyến bay khởi hành lúc 15:14 ngày 10/6/2022. Thông lệ hàng hóa phải được xếp trên máy bay trước từ 1h-2h, căn cứ dữ liệu cho thấy thời gian hoàn thành xếp hàng lên máy bay với hàng hóa là 1 giờ 24 phút, thuộc thông lệ không có dấu hiệu bất thường. Như vậy, xác định thời gian tăng nhiệt độ khi hàng hóa đang ở ngoài máy bay và trong quá trình vận chuyển bình thường để lên máy bay.

Như vậy, có căn cứ để khẳng định sự kiện bảo hiểm xảy ra trong thời hạn bảo hiểm và lô hàng được vận chuyển theo quy trình tiêu chuẩn, không có bất kỳ bất thường nào xảy ra.

***CPCI xác định có thiệt hại:***

- Hàng hóa là thuốc không đạt một chỉ tiêu chất lượng bất kỳ được xem là không đủ tiêu chuẩn lưu hành và buộc phải thu hồi theo luật định.

Theo Phiếu kiểm nghiệm của Viện Kiểm nghiệm thuốc trung ương ngày 21/10/2022 nêu nội dung kết luận: “*Mẫu gửi kiểm nghiệm không đạt yêu cầu chất lượng chỉ tiêu định lượng, các chỉ tiêu còn lại đạt yêu cầu chất lượng theo Dược điển Anh 2020 và Tiêu chuẩn cơ sở*”.

Căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 59 Luật Dược năm 2016 (Luật có hiệu lực tại thời điểm xảy ra vụ việc) quy định thuốc lưu hành trên thị trường phải đáp ứng các yêu cầu gồm: “*a) Đạt tiêu chuẩn chất lượng và bảo đảm về an toàn, hiệu quả*.”.

Căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 46, Điểm c Khoản 2 Điều 42, Khoản 1 Điều 62 Luật Dược năm 2016 (Luật có hiệu lực tại thời điểm xảy ra vụ việc) thì Lô hàng Heparine nêu trên thuộc trường hợp thuốc bị Thu hồi cụ thể:

“*1. Thuốc bị thu hồi trong trường hợp sau đây: ... c) Không đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 4 Điều 54 hoặc khoản 2 Điều 59 của Luật này; d) Thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng, thuốc sản xuất từ nguyên liệu làm thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng; đ) Có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về thuốc không đạt yêu cầu về an toàn, hiệu quả; ...*”

Thuốc là hàng hóa có tính chất đặc thù ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe thậm chí là tính mạng của con người nên chỉ cần không đạt ở 1 chỉ tiêu bất kỳ cũng có nghĩa là không đạt tiêu chuẩn chất lượng và không được phép đưa vào lưu hành trên thị trường. Do vậy, hoàn toàn có cơ sở xác định đã có thiệt hại xảy ra đối với nguyên đơn theo Kết luận của Viện kiểm nghiệm thuốc Trung ương.

- Đã có thiệt hại do pháp luật hiện hành và Hãng Panpharma chỉ định hủy bỏ toàn bộ hàng hóa do bị tác động tăng nhiệt vượt quá nhiệt độ bảo quản.

Căn cứ Mục 13 tại Phụ lục I ban kèm theo Thông tư 03/2018/TT-BYT ngày 9/02/2018 qui định về thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên tắc 13.5 có qui định: 13.5. Điều kiện bảo quản quy định đối với thuốc phải được duy trì trong giới hạn cho phép trong suốt quá trình vận chuyển. Nếu cơ sở hoặc cá nhân chịu trách nhiệm vận chuyển phát hiện thấy tình trạng sai lệch trong quá trình vận chuyển thì phải thông báo cho cơ sở phân phối và nơi tiếp nhận. Trong trường hợp nơi tiếp nhận phát hiện thấy tình trạng sai lệch thì nơi tiếp nhận phải thông báo cho cơ sở phân phối. Trường hợp cần thiết, cần phải liên lạc với cơ sở sản xuất để có các thông tin liên quan đến các bước phù hợp cần thực hiện tiếp theo.

Điều này được hiểu rằng khi điều kiện về nhiệt độ bảo quản đối với Heparine không được duy trì trong giới hạn cho phép theo quy định của nhà sản xuất trong suốt quá trình vận chuyển thì phương án xử lý đối với thuốc sẽ phải theo đề xuất của nhà sản xuất.

Căn cứ nội dung tại Trang 5/48 Mục 13 của Báo cáo giám định số AI-0663588 ngày 13/01/2023 của Cosmismar (được dịch sang tiếng Việt):

13. Phản hồi của nhà sản xuất về kết quả phân tích. Kết quả phân tích đã được gửi đến Panpharma, yêu cầu ý kiến của họ về vấn đề này, và nhận được phản hồi mà chúng tôi đính kèm dưới đây:

“Chúng tôi đã thông báo cho khách hàng của chúng tôi, CPC1, Việt Nam rằng chúng tôi không có bất kỳ dữ liệu nào bao gồm phạm vi nhiệt độ này và do đó, chúng tôi không thể đưa ra bất kỳ tuyên bố nào về việc liệu chất lượng sản phẩm có bị ảnh hưởng tiêu cực bởi sự biến đổi nhiệt độ này hay không.

Tuy nhiên, Bộ phận Cảnh giác Dược của chúng tôi, nói về trường hợp này như sau:

“74°C là nhiệt độ rất cao và do không có bằng chứng về độ ổn định ở nhiệt độ này nên chúng tôi khuyến cáo hủy bỏ sản phẩm.”

Xin lưu ý rằng việc chỉ đặt MỘT thiết bị ghi dữ liệu nhiệt độ vào MỘT thùng carton của lô hàng là quy trình tiêu chuẩn, thông thường của chúng tôi đối với các lô hàng xuất khẩu.

Vì tất cả các thùng carton đều thuộc cùng một lô hàng và được vận chuyển trong cùng điều kiện nên như vậy là đủ.

Do đó, báo cáo của thiết bị ghi dữ liệu được coi là có giá trị đối với TOÀN BỘ lô hàng chứ không chỉ đối với một thùng carton.



Chúng tôi không thể bình luận về kết quả phân tích của bạn được thực hiện bởi phòng thí nghiệm của bên thứ ba.

Tuy nhiên, một phân tích như vậy (hoặc bất kỳ phân tích nào khác) phải được coi là không có giá trị vì nó chỉ có thể cho thấy trạng thái của sản phẩm tại thời điểm kiểm tra.

Và nó không nói lên bất kỳ điều gì về khả năng tác động tiêu cực có thể xảy ra của sự biến đổi nhiệt độ đối với chất lượng của sản phẩm trong suốt thời hạn sử dụng của sản phẩm (5 năm).

Không thể loại trừ nguy cơ gây hại đối với bệnh nhân.

Chúng tôi hy vọng đã cung cấp đầy đủ thông tin cho bạn và trong trường hợp có thêm bất kỳ câu hỏi nào, bạn có thể vui lòng liên hệ với bộ phận Đảm bảo Chất lượng của chúng tôi theo địa chỉ email [complaint@panpharma.de](mailto:complaint@panpharma.de)

Chúng tôi lưu ý rằng đây là nội dung phản hồi của nhà sản xuất Panpharma đối với câu hỏi độc lập từ đơn vị giám định Cosmismar.

Căn cứ quy định tại Thông tư 03/2018/TT-BYT ngày 9/02/2018 của Bộ Y tế thì ý kiến của cơ sở sản xuất là bước phù hợp cần thực hiện tiếp theo sau khi phát hiện tình trạng sai lệch về điều kiện bảo quản, cụ thể là sai lệch về nhiệt độ bảo quản. Và căn cứ phản hồi của Hãng Panpharma về việc cần phải “*hủy bỏ toàn bộ lô hàng*” hoàn toàn có đủ cơ sở để xác định thiệt hại đối với toàn bộ lô hàng Heparine vượt nhiệt độ.

Cũng căn cứ trên phản hồi của Hãng Panpharma thì việc đặt bộ ghi dữ liệu nhiệt độ ở 01 pallet là quy trình tiêu chuẩn, thông thường của Hãng đối với các lô hàng xuất khẩu. Báo cáo của bộ ghi dữ liệu được coi là có giá trị đối với TOÀN BỘ lô hàng chứ không chỉ đối với một thùng carton. Nội dung này là cơ sở xác định sản phẩm trong các kiện từ 1 đến 6 cũng bị ảnh hưởng chất lượng.

Căn cứ khoản 1 Điều khoản bảo hiểm (A) hàng hóa vận chuyển đường hàng không ICC 1/1/82 kèm theo hợp đồng bảo hiểm đã ký kết thì bảo hiểm nguyên đơn đã mua để bảo hiểm cho mọi rủi ro đối với tổn thất và/hoặc thiệt hại xảy ra cho đối tượng bảo hiểm,...

***Căn cứ để “hủy thuốc” theo quy định của pháp luật:***

*Thứ nhất*, Căn cứ nguyên tắc 13.5 tại Mục 13 tại Phụ lục I ban kèm theo Thông tư 03/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 qui định về thực hành tốt phân phối thuốc, thì khi điều kiện về nhiệt độ bảo quản đối với Heparine không được duy trì trong giới hạn cho phép theo quy định của nhà sản xuất trong suốt quá trình vận chuyển thì phương án xử lý đối với thuốc sẽ phải theo đề xuất của nhà sản xuất.

Căn cứ nội dung tại trang 5/48 Mục 13 của Báo cáo giám định số AI-0663588 ngày 13/01/2023 của Cosmismar có nội dung khuyến nghị hủy bỏ lô hàng.

Ý kiến của cơ sở sản xuất là bước phù hợp cần thực hiện tiếp theo sau khi phát hiện tình trạng sai lệch về điều kiện bảo quản cụ thể là sai lệch về nhiệt độ bảo quản theo quy định tại Thông tư 03/2018/TT-BYT ngày 9/02/2018. Như vậy phản hồi của Hãng Panpharma về việc cần phải “hủy bỏ toàn bộ lô hàng” hoàn toàn đảm bảo căn cứ pháp lý và có đủ cơ sở để xác định thiệt hại đối với toàn bộ lô hàng Heparine vượt nhiệt độ.

Căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 59 Luật Dược năm 2016 (*Luật có hiệu lực tại thời điểm xảy ra vụ việc*) quy định thuốc lưu hành trên thị trường phải đáp ứng các yêu cầu gồm “a) Đạt tiêu chuẩn chất lượng và bảo đảm về an toàn, hiệu quả;”.

Thứ hai, căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 46, Điểm c Khoản 2 Điều 42, Khoản 01 Điều 62 Luật Dược năm 2016 (*Luật có hiệu lực tại thời điểm xảy ra vụ việc*) thì Lô hàng Heparine nêu trên thuộc trường hợp thuốc bị Thu hồi vì theo Phiếu kiểm nghiệm của Viện Kiểm nghiệm thuốc trung ương ngày 21/10/2022 nêu nội dung kết luận: “*Mẫu gửi kiểm nghiệm không đạt yêu cầu chất lượng chỉ tiêu định lượng, các chỉ tiêu còn lại đạt yêu cầu chất lượng theo Dược điển Anh 2020 và Tiêu chuẩn cơ sở*”. Như vậy có đủ căn cứ xác định thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng và không được phép đưa vào lưu hành trên thị trường.

Hơn nữa, theo quy định tại Phụ lục II – Thông tư 11/2018/TT-BYT ngày 04/5/2018 quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc thì: “*Thuốc vi phạm mức độ 2: Thuốc có hàm lượng nằm ngoài mức giới hạn 5% so với giới hạn quy định tại hồ sơ đăng ký; ...*”

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Thông tư 11/2018/TT-BYT ngày 04/5/2018 về xử lý thuốc bị thu hồi: “*2. Thuốc bị thu hồi phải tiêu hủy khi thuốc một trong các trường hợp sau đây: a) Thuốc bị thu hồi do vi phạm mức độ 1 hoặc mức độ 2; ...*”

Căn cứ Phiếu kiểm nghiệm của Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương số 52G-856 ngày 21/10/2022 so sánh chỉ tiêu 7-định lượng BP-2020 chỉ đạt 81,3% so với tiêu chuẩn là từ 90,0% đến 111,0%, có thể xác định hàm lượng thuốc vượt mức giới hạn là 9,7% thuộc vi phạm mức độ 2:

		(262 mOsmol/kg)	
7.	Định lượng - BP 2020 Phương pháp UV-VIS	Không đạt (81,3%)	Hoạt lực chế phẩm phải đạt từ 90,0% đến 111,0% so với hoạt lực ghi trên nhãn

Thứ ba, theo điểm d, khoản 2, Điều 15, Thông tư 11/2018/TT-BYT ngày 04/5/2018, bổ sung theo Điều 1, Khoản 12, Thông tư 03/2020/TT-BYT ngày 22/01/2020:

Điều 15. Xử lý thuốc bị thu hồi

2. Thuốc bị thu hồi phải tiêu hủy khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

*“d) Thuốc giả, thuốc nhập lậu, thuốc không rõ nguồn gốc, xuất xứ, thuốc hết hạn dùng, thuốc có chứa các chất bị cấm sử dụng, thuốc sản xuất từ nguyên liệu không đạt tiêu chuẩn chất lượng, thuốc thuộc trường hợp phải bị tiêu hủy theo quy định tại Nghị định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực y tế, mẫu thuốc lưu đã hết thời gian lưu theo quy định.*

(Bổ sung theo Điều 1, Khoản 12, Thông tư 03/2020/TT-BYT)

Theo khoản 4, khoản 6 Điều 53, Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế thì lô hàng Heparine nêu trên thuộc trường hợp phải tiêu hủy, cụ thể:

Điều 53. Vi phạm quy định về cơ sở kinh doanh dược và điều kiện kinh doanh dược

*4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không có biện pháp cách ly hoặc để ở khu vực biệt trữ các thuốc, nguyên liệu làm thuốc sau đây, trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 59 Nghị định này:*

- a) Không đạt tiêu chuẩn chất lượng;*
  - b) Đã có thông báo thu hồi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;*
  - c) Đã hết hạn dùng;*
  - d) Không rõ nguồn gốc, xuất xứ.*
- 6. Biện pháp khắc phục hậu quả:*

*Buộc tiêu hủy toàn bộ số thuốc, nguyên liệu làm thuốc đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này, trừ trường hợp thuốc, nguyên liệu làm thuốc quy định tại các điểm a và b khoản 4 Điều này được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép tái xuất hoặc khắc phục theo quy định của pháp luật.*

*Thứ tư, thuốc bị tiêu hủy có hai trường hợp: trước khi lưu hành và sau khi lưu hành. Các quy định về thu hồi thuốc bị tiêu hủy của bị đơn đưa ra là quy định tiêu hủy đối với thuốc sau khi đã lưu hành. Việc xác định mức độ vi phạm chất lượng là dùng cho mục đích thu hồi. Tuy nhiên hàng của chúng tôi mới nhập khẩu, chưa đưa ra lưu hành nên không phải diện thu hồi theo trích dẫn luật của bị đơn. Hàng hóa của chúng tôi thuộc trường hợp phải tiêu hủy theo các dẫn chứng nêu tại mục 3 trên.*

Qua các phân tích dựa trên hồ sơ đã cung cấp cho Tòa án chúng tôi khẳng định đã có đầy đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh có thiệt hại, có tổn thất.

*Tuy nhiên, VBI cho rằng vụ việc thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm, không bồi thường cho CPC1 với các căn cứ như:*

- Không có yếu tố lỗi ẩn tỳ, nội tỳ như ý kiến của bị đơn:

Căn cứ vào xác nhận của CPC1 tại Biên bản làm việc ngày 27/6/2022 về nội dung màng co không biến đổi và căn cứ báo cáo giám định của Cosmismar nhận định nếu có tác dụng nhiệt trực tiếp... màng co sẽ bị co lại. Nhưng thực tế tấm màng co này lại không hề có dấu hiệu bị co. Chúng tôi phản đối lập luận này như sau:

*Thứ nhất*, Biên bản làm việc ngày 27/06/2022, CPC1 chỉ xác nhận 07 pallet hàng được cuốn màng co, bên trong thùng carton không có dấu hiệu bị tác động ngoại lực, không có bất kỳ bất thường nào từ bên ngoài chứ không xác nhận màng co bên ngoài bình thường bị co lại hay không bị co lại. Thực tế khi xảy ra vụ việc, đơn vị giám định ban đầu Spica không yêu cầu giám định đối tượng này. Tại thời điểm Cosmismar thực hiện giám định cũng không yêu cầu giám định đối tượng này, Cosmismar chỉ căn cứ trên hình ảnh và video tại kho hàng của chúng tôi. Rất khó có thể quan sát bằng mắt thường để xác định màng co có bị co lại hay không. Hơn nữa, Cosmismar hoàn toàn không nhận bàn giao màng co và giám định màng co để có căn cứ kết luận “khi mang về, tấm màng co này lại không hề có dấu hiệu bị co lại”.

*Thứ hai*, CPC1 lưu ý rằng nhiệt độ ghi nhận tăng từ từ không phải tăng đột ngột và theo tham khảo từ đơn vị sản xuất màng co thì với nhiệt độ dưới 100°C không làm biến đổi màng co. Với nhiệt độ trong pallet đến 74°C thì chưa đủ tác động làm biến đổi màng co. Hơn nữa, pallet hàng được cuốn bởi rất nhiều lớp màng co càng khó co lại ở nhiệt độ 74°C kể cả trong thời gian dài. Theo đó, nhận định của Cosmismar chỉ được xem là một giả định và không có ý nghĩa chứng cứ chứng minh.

*Thứ ba*, theo thông lệ kinh doanh hàng dược phẩm nói chung và hàng Heparine nói riêng chúng tôi chưa gặp bất kỳ trường hợp nào thuốc bị tăng nhiệt nội sinh. Đa phần các thuốc trên thị trường điều kiện bảo quản của thuốc được các nhà sản xuất nghiên cứu và xác định bảo quản ở nhiệt độ từ 2°C đến 30°C, khi đó chất lượng thuốc sẽ giữ được trong một khoảng thời gian nhất định gọi là tuổi thọ của thuốc, từ đó trên nhãn sản phẩm có thông tin về hạn dùng. Trường hợp thuốc tăng nhiệt nội sinh và có thể lên đến 74°C như trường hợp này thì không nhà sản xuất nào dám đảm bảo chất lượng thuốc trong suốt thời gian tuổi thọ của sản phẩm. Kết quả Kiểm nghiệm của Viện kiểm nghiệm thuốc Trung ương là một căn cứ chứng minh cho lập luận này.

Từ những căn cứ trên cho thấy quan điểm hàng hóa có lỗi ẩn tỳ, nội tỳ của VBI là một giả định vô căn cứ. VBI đang giải thích các dẫn chứng theo hướng có lợi cho mình và không đúng với bản chất của dẫn chứng.

- Không có lỗi của bên mua bảo hiểm đối với việc tăng nhiệt độ vượt quá trong quá trình vận chuyển hàng hóa

VBI cho rằng nhà sản xuất, bên vận chuyển không đảm bảo điều kiện đóng gói, bảo quản, thùng chứa, xe hàng của máy bay không phù hợp.

CPC1 không đồng ý với lập luận này của VBI bởi các lý do sau:

*Thứ nhất*, phương thức đóng gói hàng hóa và phương thức vận chuyển hàng hóa đã được VBI chấp nhận trước khi phát hành Giấy chứng nhận bảo hiểm, cụ thể căn cứ:

Khoản 1.1 Điều 1 Hợp đồng bảo hiểm số 003.KD05.GCN.HH3.22.001514 ký ngày 01/03/2022 giữa CPC1 và VBI nêu rõ:

*Hàng hóa được bảo hiểm: Tân dược các loại*

*Phương thức đóng gói: Hàng rời/Hàng đóng container*

*Phương thức xếp hàng: Xếp trong hầm hàng, trên boong tàu, ...*

Trước khi cấp GCNBH 003.KD05.GCN.HH3.22.005118 ngày 06/6/2022, sửa đổi, bổ sung GCNBH số 1/22/003.KD05.GCN.HH3.22.005118 cấp ngày 08/6/2022, nguyên đơn đã gửi cho bị đơn các tài liệu về lô hàng gồm Hợp đồng mua bán số 22-0023-01 ngày 24/3/2022; Packing List số ngày 01/06/2022; COO số 34499051 ngày 01/6/2022; COA số 201020000 ngày 19/5/2022; Invoice số 22209023 ngày 01/6/2022; Master Bill số 73852783485 ngày 01/06/2022; House Bill số TCI-10048452 ngày 08/06/2022; Tờ khai hải quan số 104765545951 ngày 08/6/2022. Các tài liệu này thể hiện rõ các thông tin sau:

*Hàng hóa đã được đóng gói trước khi phát hành bảo hiểm.*

*Hàng hóa được đóng gói 07 pallets/180 cartons vận chuyển từ Đức về Việt Nam bằng đường hàng không.*

*Số tiền bảo hiểm 26.621.954.425 VNĐ.*

*Hàng được vận chuyển theo phương thức Keep Cool nhiệt độ từ 15 °C đến 25 °C.*

*07 pallets có gắn data logger theo dõi nhiệt độ từ nhà máy về Việt Nam.*

*Lô hàng được vận chuyển thông qua đơn vị dịch vụ là Công ty cổ phần tiếp vận HHBL theo Hợp đồng nguyên tắc số 24-2022-HHBL ngày 03/01/2022.*

Như vậy, VBI đã chấp nhận phương thức đóng gói và hàng hóa đã hoàn thiện việc đóng gói trước khi VBI cấp chứng nhận bảo hiểm.

*Thứ hai*, Trước khi xảy ra sự kiện bảo hiểm đối với lô hàng Heparine vượt nhiệt độ, VBI đã cấp nhiều chứng nhận bảo hiểm cho các lô hàng Heparine nhập khẩu từ Panpharma (Đức) có cùng tính chất, cùng phương thức vận chuyển, phương thức đóng gói. Ví dụ các Giấy chứng nhận bảo hiểm hàng hóa nhập khẩu

số 003.KD05.GCN.HH3.22.002542 ngày 25/3/2022 và Giấy chứng nhận bảo hiểm hàng hóa nhập khẩu số 003.KD05.GCN.HH3.22.003425 ngày 11/4/2022 Bằng hành động này, VBI đã thừa nhận phương thức đóng gói và phương thức vận chuyển đối với lô hàng Heparine là thích hợp.

*Thứ ba*, Người được bảo hiểm – CPC1 đã thực hiện toàn bộ các hoạt động cần thiết để hàng hóa được vận chuyển đảm bảo duy trì điều kiện bảo quản về nhiệt độ cụ thể:

Vận đơn có ghi rõ điều kiện bảo quản từ 15°C đến 25°C (HHBL - đơn vị vận chuyển) đã có văn bản giải trình sau cuộc họp ngày 23/12/2022. Trong văn bản giải trình cũng nêu rõ ngày 03/6/2022, HHBL có yêu cầu bên vận chuyển (tại Đức – Euroway) sửa vận đơn ghi rõ nhiệt độ, bên Euroway đã sửa vận đơn ghi rõ nhiệt độ và gửi lại cho HHBL.

Có nhãn chỉ thị nhiệt độ trên Pallet vận chuyển lô hàng thể hiện trong văn bản giải trình của HHBL sau cuộc họp ngày 23/12/2022, nêu rõ lô hàng bị delay là do thông tin trên nhãn dán trên Pallet hàng hiển thị +15°C đến + 25°C, nhưng trên vận đơn thể hiện +15 đến 25°C (thiếu 0°C nên phải sửa vận đơn).

Có thiết bị theo dõi nhiệt độ (data logger) đi kèm lô hàng khi vận chuyển từ nhà máy về Việt Nam.

Khi hàng về đến sân bay Nội Bài, nguyên đơn có xe chuyên dụng bảo quản mát cho lô hàng về đến kho nguyên đơn.

*Thứ tư*, tại Báo cáo giám định số 14131/22HP ngày 24/6/2022 của Công ty giám định SPICA đã kết luận: Nguyên nhân tổn thất do người xếp hàng đã xếp hàng hóa không đúng vị trí nên hàng hóa đã bị quá nhiệt trong quá trình vận chuyển trước khi chủ hàng nhận hàng. Mặc dù, kết luận giám định này đã bị thu hồi bởi công văn số 09.2024/CV-SPICA ngày 19/02/2024 của SPICA, tuy nhiên có thể xem xét như một tài liệu tham khảo vì đúng với thực tế việc xếp hàng vào container hay thiết bị đựng hàng được thực hiện bởi đơn vị dịch vụ vận chuyển HHBL của CPC1 chứ không được tiến hành bởi Người được bảo hiểm (CPC1), người làm công của CPC1 hoặc trước khi đơn bảo hiểm có hiệu lực.

Do vậy, sự kiện bảo hiểm đối với lô hàng Heparine vượt nhiệt độ của CPC1 không thuộc trường hợp loại trừ theo điểm 2.3 Điều 2 Loại trừ bảo hiểm theo Điều khoản bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường hàng không ICC Air 1/1/82. Đơn vị vận chuyển là đơn vị dịch vụ độc lập không phải người làm công của CPC1, CPC1 không phải chịu trách nhiệm cho hành vi vi phạm của đơn vị vận chuyển nếu có. Trường hợp có lỗi của đơn vị vận chuyển, VBI thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn bảo hiểm theo quy định của pháp luật kinh doanh bảo hiểm.

*Thứ năm*, đóng gói là một giai đoạn trong quá trình sản xuất dược phẩm, liên quan đến việc sử dụng vật liệu đóng gói (bao bì cấp 1 và bao bì cấp 2) để chứa

đựng, bao bọc thuốc sau giai đoạn pha chế và để tiện bảo quản và vận chuyển sản phẩm đến người dùng. Bao bì cấp 1: Trực tiếp với thuốc như chai, lọ bằng chất dẻo hay thủy tinh (kể cả nút trong), màng nhôm ghép, màng nhôm tráng hay màng phim; Bao bì cấp 2: Gián tiếp với thuốc như hộp giấy, túi bằng giấy hay chất dẻo, thùng carton, thùng gỗ, ...

Tham khảo quy định tại mục 11 về bao bì vận chuyển và ghi nhãn trên bao bì tại Phụ lục I ban kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 quy định về thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc, có hiệu lực kể từ ngày 26/3/2018, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 09/2020/TT – BHYT quy định:

*“11. Bao bì vận chuyển và ghi nhãn trên bao bì*

*11.1. Thuốc phải được bảo quản và phân phối trong các bao bì vận chuyển không gây tác dụng bất lợi đối với chất lượng sản phẩm và có đủ khả năng bảo vệ sản phẩm tránh khỏi các tác động bên ngoài, kể cả ô nhiễm.*

*11.2. Các bao bì chuyên chở hàng phải có nhãn với đầy đủ thông tin về điều kiện vận chuyển, bảo quản và các cảnh báo liên quan để bảo đảm sản phẩm được vận chuyển đúng cách và an toàn trong toàn bộ thời gian vận chuyển. Bao bì chuyên chở phải cho phép xác định được nội dung và nguồn gốc hàng hóa chứa bên trong.*

*11.3. Trường hợp có các yêu cầu đặc biệt về vận chuyển và/hoặc điều kiện bảo quản thì các điều kiện đó phải được ghi trên nhãn của bao bì chuyên chở. Nếu một sản phẩm được dự định vận chuyển, giao hàng đến khu vực nằm ngoài tầm kiểm soát của hệ thống quản lý sản phẩm của nhà sản xuất, thì trên nhãn bao bì chuyên chở phải ghi rõ tên, địa chỉ của nhà sản xuất, các điều kiện vận chuyển đặc biệt và bất kỳ yêu cầu pháp lý đặc biệt nào, kể cả các dấu hiệu an toàn.*

*11.4. Thông thường, chỉ sử dụng các từ viết tắt, tên hoặc mã số được chấp nhận trong giao dịch quốc tế hoặc quốc gia.*

*11.5. Cần phải đặc biệt thận trọng khi sử dụng đá khô đặt trong bao bì chuyên chở. Bên cạnh vấn đề an toàn, cần phải đảm bảo rằng sản phẩm không tiếp xúc với đá khô do đá khô có thể gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng sản phẩm.*

*11.6. Phải có các quy trình bằng văn bản để xử lý các bao bì vận chuyển bị hư hỏng và/hoặc vỡ. cần đặc biệt lưu ý đối với các bao bì vận chuyển chứa các sản phẩm độc hại, nguy hiểm”.*

Theo thông lệ ngành dược hàng chục năm qua việc đóng gói bao bì cấp 2 đối với thuốc đều được thực hiện bằng thùng Carton. Thực tế kinh doanh của nguyên đơn, thuốc Heparine nói riêng và thuốc nói chung đều đóng gói bao bì cấp 2 bằng thùng carton và vẫn đảm bảo an toàn, đáp ứng các yêu cầu về bảo quản thuốc trong quá trình vận chuyển trong nước và ngoài nước. Ngoài ra, theo Công văn số *M*

19022024-01/CRO-GER của Panpharma (Đức) gửi đơn vị Cosmismar ngày 11/11/2022 thể hiện rõ nội dung theo Incoterms và theo GMP của nhà sản xuất, việc đóng gói Heparinee bằng thùng carton là chuẩn xác và phù hợp, hoàn toàn không cần thiết phải sử dụng “vật liệu cách nhiệt” trong quá trình vận chuyển như Báo cáo giám định của Cosmismar.

Như vậy, sự kiện bảo hiểm đối với lô hàng Heparine Injection BP 5.000 units/ml, vận đơn TCI-100484452/738-52783485 của nguyên đơn không thuộc các trường hợp loại trừ bảo hiểm theo điểm 2.3 và điểm 2.5 Điều 2 Loại trừ bảo hiểm theo Điều khoản bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường hàng không ICC Air 1/1/82 được đính kèm theo Hợp đồng bảo hiểm 03 giữa CPC1 và VBI.

*Thứ sáu*, căn cứ tài liệu tra cứu hành trình lô hàng cho thấy lô hàng được chuyển lên máy bay vào lúc 15h14 ngày 10/6/2022. Căn cứ dữ liệu của datalogger thì thời điểm nhiệt độ tăng trên 60°C là từ 8:58:58 ngày 10/6/2022 đến 11:38:58 ngày 10/06/2022. Sau đó từ thời điểm hàng chuyển lên máy bay và đến khi chúng tôi nhận được hàng đều ở ngưỡng nhiệt cho phép.

Như vậy, có thể thấy thời điểm tăng nhiệt lô hàng đang ở ngoài máy bay nên lập luận rằng chúng tôi biết việc “*trên máy bay không có khoang lạnh, hãng bay không chấp nhận bất kỳ hàng hóa nào làm mát tích cực, chỉ chấp nhận hàng hóa có làm mát bị động ....*” nhưng vẫn lựa chọn phương thức vận chuyển nêu trên nên CPC1 có lỗi dẫn đến thiệt hại là một lập luận vô căn cứ.

*Thứ bảy*, căn cứ dữ liệu của datalogger và căn cứ nhiệt độ sân bay Hamburg, Đức vào ngày 10/6/2022 nên nhiệt ngoài trời của sân bay Hamburg, Đức cao nhất là 23°C – nhiệt độ ở ngưỡng cho phép đối với Heparine.

Vậy thời điểm tăng nhiệt đột ngột có thể xác định là do tác động bên ngoài và trong khoảng thời gian ngắn, *đây là rủi ro khách quan không mong muốn và thuộc trường hợp được bảo hiểm theo hợp đồng đã ký kết.*

*Thứ tám*, thuốc là hàng hóa đặc biệt ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, thậm chí tính mạng của người bệnh, mọi hoạt động liên quan đều bị quản lý nghiêm ngặt theo quy định của pháp luật và cơ quan quản lý Nhà nước. Mọi hoạt động kinh doanh liên quan đến hàng hóa này không phụ thuộc vào nhận định chủ quan của bất kỳ bên nào mà phải tuân theo quy định của pháp luật hiện hành. Không thể nhìn cảm quan để xác định hàng hóa có đảm bảo chất lượng hay không, hoặc không thể dựa trên kết luận tại một thời điểm để xác định chất lượng hàng hóa đảm bảo suốt thời hạn sử dụng.

#### **Do vậy quan điểm của CPC1 như sau:**

Căn cứ thỏa thuận tại Hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm hàng hóa vận chuyển số 003.KD05.GCN.HH3.22.001514 ngày 01/3/2022, VBI có trách nhiệm chi trả tiền bảo hiểm cho CPC1 trong vòng 30 ngày kể từ ngày CPC1 cung cấp bộ hồ sơ



hợp lệ về yêu cầu trả tiền bảo hiểm. Tuy nhiên, kể từ ngày 22/8/2022 (ngày CPC1 có Giấy yêu cầu bồi thường tổn thất hàng hóa) đến nay VBI vẫn chưa chi trả tiền bảo hiểm cho CPC1.

Do đó ngoài khoản tiền bảo hiểm **26.621.954.425 đồng** theo Hợp đồng, VBI phải thanh toán tiền lãi chậm trả tính từ ngày đến hạn thanh toán.

Tuy nhiên, theo Hợp đồng bảo hiểm hai bên không có thỏa thuận về mức lãi suất chậm trả nên căn cứ quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, mức lãi suất chậm trả được xác định là **10%/năm**.

**Số tiền lãi chậm trả khoản tiền chi trả bảo hiểm tính từ ngày 22/9/2022 đến ngày 28/5/2024** theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 với mức lãi suất 10%/năm là **4.434.561.000 đồng**.

Chính vì vậy, CPC1 đã làm đơn khởi kiện VBI ra Toà án nhân dân quận Đống Đa để đề nghị giải quyết các yêu cầu sau:

1. Buộc VBI thanh toán số tiền bảo hiểm là 26.621.954.425 đồng theo Hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm hàng hóa vận chuyển số 003 và Giấy chứng nhận bảo hiểm hàng hóa nhập khẩu (“GCNBH”) số 003.KD05.GCN.HH3.22.005118 ngày 06/06/2022 và sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận bảo hiểm số 1/22/003.KD05.GCN.HH3.22.005118 cấp ngày 08/6/2022;

2. Buộc VBI thanh toán số tiền lãi chậm trả khoản tiền chi trả bảo hiểm tính từ ngày 22/09/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 với mức lãi suất 10%/năm.

3. Buộc VBI thanh toán số tiền lãi chậm trả khoản tiền chi trả bảo hiểm tính từ sau ngày xét xử sơ thẩm đến khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán với mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

## **2. Bị đơn trình bày:**

Công ty cổ phần dược phẩm trung ương CPC1 đã tham gia bảo hiểm cho lô hàng nhập khẩu gồm 7 kiện/4593 kg dược phẩm Heparin Injection BP 5,000 units/ml (“Sản Phẩm”), theo Hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm hàng hóa vận chuyển số 003.KD05.GCN.HH3.22.001514 ngày 01/3/2022 ký với Công ty cổ phần bảo hiểm Vietinbank Hà Nội thuộc VBI kèm theo Điều kiện bảo hiểm hàng hoá (A), bảo hiểm hàng hoá vận chuyển đường hàng không (loại từ hàng hoá được vận chuyển qua đường bưu điện) ICC Air 1/1/1982 được ban hành kèm theo Quyết định 2445/QĐ-VB16 ngày 25/12/2017 của Bảo hiểm Vietinbank.

Ngày 17/6/2022, VBI nhận được email của CPC1 thông báo sự cố tăng nhiệt độ đối với lô hàng. Ngày 27/6/2022, VBI nhận được Văn bản số 1714/CPC1-XNK của CPC1 thông báo về việc sau khi lô hàng nói trên được nhập về, qua

kiểm tra thiết bị ghi dữ liệu nhiệt độ kèm hàng thì phát hiện trong quá trình vận chuyển có khoảng thời gian hàng hóa bị vượt quá giới hạn nhiệt độ cho phép.

VBI đã chỉ định Công ty cổ phần Giám định Spica là đơn vị giám định độc lập tại Việt Nam thực hiện giám định hàng hóa tại kho của CPC1 vào ngày 20/6/2022 để xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất.

Ngày 27/6/2022, VBI và CPC1 thống nhất thuê đơn vị giám định độc lập tại Đức để điều tra về nguyên nhân sự cố. Theo đó, VBI đã chỉ định Marlin Blue là bên thứ ba độc lập thực hiện chỉ định giám định và Marlin Blue đã chỉ định hai đơn vị giám định là Comismar, đơn vị thực hiện giám định ở Đức và Atlantic, đơn vị thực hiện giám định ở Việt Nam.

VBI không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của CPC1 bởi những căn cứ sau:

Không thuộc thời hạn có hiệu lực của bảo hiểm:

Thời hạn bảo hiểm từ lúc Sản Phẩm rời Sân bay Frankfurt, Đức đến Sân bay Nội Bài, Hà Nội:

Điều 5.1 Điều khoản bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường hàng không ICC 1/1/82 (đính kèm theo Hợp đồng bảo hiểm số 003 ngày 01/3/2022) quy định về “Thời hạn bảo hiểm” như sau: “*Bảo hiểm này có hiệu lực từ khi đối tượng bảo hiểm rời kho, nhà hay nơi lưu chứa tại địa điểm ghi trong đơn bảo hiểm này để bắt đầu việc vận chuyển, tiếp tục quá trình vận chuyển bình thường và kết thúc khi giao tới kho, nhà hay nơi lưu chứa cuối cùng tại địa điểm ghi trong đơn bảo hiểm này...*”. Theo Giấy chứng nhận bảo hiểm hàng hóa nhập khẩu số 0302220007478 (003.KD05.GCN.HH3.22.005118) ngày 06/6/2022, sửa đổi bổ sung số 1/22/003.KD05.GCN.HH3.22.005118 ngày 08/6/2022, địa điểm ghi trong đơn bảo hiểm - “Nơi đi” là “*Sân bay Frankfurt, Đức*”, “Nơi đến” là “*Sân bay Nội Bài, Hà Nội*”. Như vậy, thời hạn bảo hiểm cho lô hàng dược phẩm Heparin Injection BP 5,000 units/ml (“Sản Phẩm”) bắt đầu từ khi Sản Phẩm rời Sân bay Frankfurt, Đức cho đến khi Sản Phẩm tới Sân bay Nội Bài, Hà Nội.

Mặt khác, theo dữ liệu cảm biến nhiệt, thời gian tăng nhiệt độ trước thời điểm máy bay cất cánh và bảo hiểm cho Sản Phẩm chưa có hiệu lực:

Theo dữ liệu cảm biến nhiệt, thời gian tăng nhiệt độ từ 05 giờ 48 phút 58 giây (05:48:58) sáng ngày 10/6/2022 đến 13 giờ 48 phút 58 giây (13:48:58) chiều ngày 10/06/2022. Thời điểm máy bay cất cánh rời Sân bay Frankfurt, Đức vào 15 giờ 14 phút (15:14) chiều ngày 10/6/2022. Theo nội dung Văn bản số 2206/HHBL ngày 23/6/2022 của bên vận chuyển, Công ty cổ phần Tiếp vận HHBL nêu “... hàng hóa cũng có hàng tiếng đồng hồ chờ bên ngoài đường băng trước khi được chất hàng lên máy bay... Như vậy được xác định nhiệt độ tăng cao trong quá trình hàng chờ xếp hàng lên máy bay”

Như vậy, trong vụ việc này, thời gian tăng nhiệt độ theo dữ liệu cảm biến nhiệt trước thời điểm máy bay cất cánh và không thuộc thời hạn có hiệu lực của bảo hiểm. Do đó, nếu Sản Phẩm bị tổn thất do tăng nhiệt độ, Sản Phẩm cũng không được bảo hiểm.

Nguyên đơn không có tài liệu chứng cứ chứng minh có thiệt hại, tổn thất. Khái niệm pháp lý “Tổn Thất” được dùng trong lĩnh vực pháp luật bảo hiểm thương mại để chỉ rõ những hư hỏng, mất mát, thiệt hại của đối tượng được bảo hiểm. Tổn thất toàn bộ thực sự là toàn bộ đối tượng bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm bị hư hỏng, mất mát, biến chất như tàu bị đắm, bị mất tích hay bị hư hỏng giảm giá trị 100%.

Theo Phiếu kiểm nghiệm của Viện Kiểm nghiệm thuốc trung ương ngày 21/10/2022 nêu nội dung kết luận: “*Mẫu gửi kiểm nghiệm không đạt yêu cầu chất lượng chỉ tiêu định lượng, các chỉ tiêu còn lại đạt yêu cầu chất lượng theo Dược điển Anh 2020 và Tiêu chuẩn cơ sở*”. Tuy nhiên, Nguyên đơn không có tài liệu chứng cứ thể hiện chỉ tiêu “Định lượng” của sản phẩm không đạt nói trên là tổn thất được bảo hiểm theo nội dung đơn khởi kiện.

Mặt khác, Nguyên đơn cho rằng chỉ tiêu “định lượng” của sản phẩm không đạt từ mẫu thử lấy ở kiện số 7 để cho rằng toàn bộ lô hàng cũng có “định lượng” của sản phẩm không đạt hoặc bị tổn thất là không có cơ sở. Bởi vì các kiện còn lại từ 1 đến 6 này vận chuyển trong các kiện hàng khác nhau, các kiện hàng này không được gắn cảm biến nhiệt độ và hoàn toàn tách biệt, độc lập với kiện số 7.

Như vậy, Nguyên đơn cho rằng Sản Phẩm bị tổn thất là không có căn cứ.

*Vụ việc thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm*

VBI cho rằng trong vụ việc này (1) Sản Phẩm đã có ẩn tỳ, nội tỳ và (2) nhà sản xuất, bên vận chuyển không đảm bảo điều kiện đóng gói, bảo quản cho Sản phẩm, thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm quy định tại Điểm 2.4, 2.3 Điều khoản bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường hàng không ICC 1/1/82 đính kèm theo Hợp đồng bảo hiểm số 003.KD05.GCN.HH3.22.001514 ngày 01/3/2022.

Sản Phẩm có lỗi ẩn tỳ, nội tỳ:

Theo nội dung Biên bản làm việc ngày 27/6/2022, Nguyên đơn xác nhận: “*Tất cả 07 pallet gỗ cuốn màng co, bên trong là thùng carton không có dấu hiệu bị tác động ngoại lực, không có bất kỳ bất thường nào nhìn từ bên ngoài. Mở ra cũng không phát hiện bất kỳ bất thường nào. Tuy nhiên khi lấy data logger thì ghi nhận có thời điểm nhiệt độ tăng lên 74,4 độ C*”.

Theo nội dung phần Kết luận của Báo cáo giám định số AI-0663588 của Comismar ngày 13/01/2023 nêu “*4- Nguồn nhiệt có thể ảnh hưởng đến hộp chứa máy ghi nhiệt độ chưa được xác định...*”. Như vậy, không xác định có nguồn nhiệt

nào trong vụ việc này bởi theo nhận định của bên giám định Comismar “*nếu có tác dụng nhiệt trực tiếp...màng co sẽ bị co lại. Nhưng thực tế khi mang về, tấm màng co này lại không hề có dấu hiệu bị co lại*”.

Theo “Transportation/ Temperature excursions”, sản phẩm được vận chuyển và bảo quản tốt nhất ở 15<sup>0</sup>C – 30<sup>0</sup>C nhưng sản phẩm ổn định trong vòng:

1 tháng nếu nhiệt độ không quá 40<sup>0</sup>C


1 tháng trong điều kiện làm mát ở 2<sup>0</sup>C – 8<sup>0</sup>C

7 ngày nếu nhiệt độ không quá 60<sup>0</sup>C

Theo bảng trích xuất dữ liệu nhiệt độ từ cảm biến nhiệt trong kiện hàng số 7, nhiệt độ trong kiện hàng này vượt quá 60<sup>0</sup>C từ 08:58:58 đến 11:38:58 (khoảng 3 giờ). Theo Báo cáo giám định số AI-0663588 của Comismar ngày 13/01/2023 tại mục 13 phần 2 (Lô hàng/Giám định), bên giám định Comisma đã gửi kết quả phân tích của Viện kiểm nghiệm thuốc trung ương cho nhà sản xuất và Panpharma đã phản hồi như sau: “*Chúng tôi đã thông báo cho khách hàng CPC1, Việt Nam rằng chúng tôi không có bất kỳ dữ liệu nào về giới hạn nhiệt độ cho phép này và do đó chúng tôi không thể đưa ra bất kỳ tuyên bố nào nếu chất lượng sản phẩm bị ảnh hưởng xấu bởi khoảng nhiệt độ vượt quá giới hạn nhiệt độ cho phép này*”. Như vậy, nhà sản xuất không có nghiên cứu nào và Nguyên đơn không có bất cứ tài liệu chứng cứ nào để khẳng định việc cảm biến nhiệt độ tăng vượt quá mức 60<sup>0</sup>C (là mức nhiệt độ tối đa mà nhà sản xuất đưa ra đảm bảo sản phẩm ổn định trong vòng 7 ngày) trong khoảng 3 giờ có thể làm ảnh hưởng đến chỉ tiêu định lượng nêu tại Phiếu kiểm nghiệm của Viện kiểm nghiệm thuốc trung ương.

Như vậy, VBI cho rằng không có nguồn nhiệt nào tác động đến Sản Phẩm vì theo kết luận của bên giám định Comismar “*nếu có tác dụng nhiệt trực tiếp...màng co sẽ bị co lại. Nhưng thực tế khi mang về, tấm màng co này lại không hề có dấu hiệu bị co lại*”. Đồng thời, không có tài liệu nào chứng minh chỉ tiêu định lượng của Sản Phẩm bị giảm sút do nhiệt độ tăng vượt quá mức 60<sup>0</sup>C trong khoảng 3 giờ.

Kết luận: việc giám định bên ngoài của Sản Phẩm không có biểu hiện bất thường nào, cũng như không có tài liệu chứng minh chỉ tiêu định lượng của Sản Phẩm bị giảm sút do yếu tố bên ngoài nào tác động (nguồn nhiệt lượng cao). Do vậy, chúng tôi xác định nguyên nhân chỉ tiêu định lượng của Sản Phẩm không đạt là do lỗi ẩn tỳ, nội tỳ của Sản Phẩm và thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm quy định tại Điểm 2.4 Điều khoản bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường hàng không ICC 1/1/82.

Nhà sản xuất, bên vận chuyển không đảm bảo điều kiện đóng gói, bảo quản trước khi bảo hiểm có hiệu lực: 

Theo nội dung phần Kết luận của Báo cáo giám định số AI-0663588 của Comismar ngày 13/01/2023 nêu: “8- Nhà sản xuất, Bên Bán không tuân thủ các thông số kỹ thuật về bảo quản hàng hóa trong quá trình vận chuyển do không cung cấp cho hàng hóa bao bì đậy nhiệt hoặc điều kiện tương tự để đảm bảo heparin không vượt quá 25 °C... Chúng tôi cho rằng Bên bán – Panpharma phải chịu trách nhiệm về thiệt hại. Theo hợp đồng mua bán đính kèm, Panpharma cam kết chuẩn bị hàng hóa để vận chuyển theo các thông số kỹ thuật nêu tại điểm 4, bao gồm việc duy trì sản phẩm ở nhiệt độ dưới 25°C”.

Theo nội dung Văn bản số 2206/HHBL ngày 23/6/2022 của bên vận chuyển, Công ty cổ phần Tiếp vận HHBL nêu “... hàng hóa cũng có hàng tiếng đồng hồ chờ bên ngoài đường băng trước khi được chất hàng lên máy bay... Như vậy được xác định nhiệt độ tăng cao trong quá trình hàng chờ xếp hàng lên máy bay”.

Theo Điều 2.3 Điều khoản bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường hàng không ICC 1/1/82: “Bảo hiểm này không bồi thường cho: Tổn thất, thiệt hại hay chi phí gây ra do việc đóng gói, chuẩn bị cho đối tượng được bảo hiểm không thích hợp hoặc không đầy đủ (với mục đích của Điều 2.3 này, “đóng gói” được hiểu là bao gồm cả việc xếp vào container hay thiết bị đựng hàng nhưng việc chất xếp này phải được tiến hành bởi Người được bảo hiểm, người làm công của họ hoặc trước khi đơn bảo hiểm này có hiệu lực”.

Như vậy, việc bảo quản, đóng gói hàng hóa của nhà sản xuất, bên vận chuyển không đáp ứng yêu cầu, quy định về nhiệt độ của nhà sản xuất quy định tại Hợp đồng mua bán (Sale Contract) và độ ổn định nhiệt độ của sản phẩm (Transportation/ Temperature excursions). Việc đóng gói, chuẩn bị không phù hợp nói trên được thực hiện trước khi máy bay cất cánh (thời điểm bảo hiểm có hiệu lực). Do đó, trường hợp Sản Phẩm bị tổn thất, thiệt hại do việc đóng gói, chuẩn bị không thích hợp hoặc không đầy đủ trước khi bảo hiểm cho Sản Phẩm có hiệu lực sẽ không được bảo hiểm theo điều khoản loại trừ bảo hiểm 2.3 nói trên.

Vì vậy, Bị đơn không có nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm cho Nguyên đơn trong vụ việc này, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bởi những căn cứ:

- Không thuộc thời hạn có hiệu lực của bảo hiểm theo Điều 5.1 Điều khoản bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường hàng không ICC 1/1/82 (đính kèm theo Hợp đồng bảo hiểm 003.KD05.GCN.HH3.22.001514 ngày 01/3/2022);

- Không có căn cứ xác định đã xảy ra tổn thất được bảo hiểm.

- Thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm theo điểm 2.3, 2.4 Điều 2 Loại trừ bảo hiểm của Điều khoản bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường hàng không ICC

1/1/82 (đính kèm theo Hợp đồng bảo hiểm 003.KD05.GCN.HH3.22.001514 ngày 01/3/2022).

### **3. Tại phiên tòa sơ thẩm:**

Nguyên đơn giữ nguyên quan điểm: Yêu cầu Bị đơn phải bồi thường toàn bộ giá trị tổn thất hàng hóa là 26.621.954.425 đồng; Tiền lãi phát sinh do chậm bồi thường tính từ 22/9/2022 đến ngày 20/9/2024 là 5.317.000.000 đồng; Tiếp tục tính lãi cho đến khi bồi thường xong.

Bị đơn giữ nguyên quan điểm: Từ chối bồi thường vì tổn thất thuộc Loại trừ bảo hiểm của Điều khoản bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường hàng không ICC 1/1/82 (đính kèm theo Hợp đồng bảo hiểm 003.KD05.GCN.HH3.22.001514 ngày 01/3/2022).

*Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 96/2024/KDTM-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa đã xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của CPC1 đối với VBI về việc thanh toán tiền bảo hiểm theo Hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm hàng hóa vận chuyển số 003.KD05.GCN.HH3.22.001514 ký ngày 01/03/2022 của VBI và CPC1.

2. Buộc VBI phải thanh toán cho CPC1 các khoản tính đến ngày 20/9/2024 tổng cộng là **31.938.954.425 đồng**, trong đó:

Tiền bảo hiểm **26.621.954.425 đồng**;

Tiền lãi chậm trả được tính từ ngày 22/9/2022 đến ngày 20/9/2024 là **5.317.000.000 đồng**.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xử sơ thẩm, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số nợ tiền bảo hiểm chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền thi hành án và kháng cáo theo quy định của pháp luật.

### **4. Nội dung kháng cáo**

Không đồng ý với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, VBI (bị đơn) đã kháng cáo đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 96/2024/KDTM-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,

Ngoài đơn kháng cáo, người kháng cáo không có tài liệu, chứng cứ nào khác.

### **5. Trình bày của các đương sự tại Tòa án cấp phúc thẩm:**

Tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương CPC1 (nguyên đơn) vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam (bị đơn) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

**5.1 Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam (bị đơn) trình bày các nội dung kháng cáo như sau:**

VBI kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, với các lý do chính sau:

**Thứ nhất, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng, xác định thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và vi phạm thẩm quyền xét xử.**

- Công ty Panpharma là nhà sản xuất lô hàng dược phẩm HeparinInjection BP 5,000 units/ml đã không tuân thủ bảo quản hàng hóa, không cung cấp cho hàng hóa bao bì đẳng nhiệt và phải chịu trách nhiệm đối với thiệt hại nếu có của sản phẩm. Mặt khác, Panpharma có khả năng cung cấp hàng hóa kém chất lượng, sản phẩm đã có lỗi ẩn tàng. Còn Công ty Cổ phần tiếp vận HHBL là công ty vận chuyển, cần làm rõ trách nhiệm khi để hàng hóa thuộc loại bảo quản nhiệt độ đặc biệt có “*hàng tiếng đồng hồ chờ ngoài đường băng...*”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm cần phải đưa Công ty Panpharma, Công ty HHBL vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và chuyển hồ sơ vụ án tới Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Tòa án cấp sơ thẩm đã sử dụng tài liệu nước ngoài là Báo cáo giám định của Công ty Comismar; tài liệu có tên “Certificate of Analysis” – Giấy xuất xưởng không được hợp pháp hóa lãnh sự, không được dịch thuật công chứng là vi phạm khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

**Thứ hai, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định sai lầm và có phán quyết trái quy định của Luật Dược 2016 và Thông tư 11/2018/TT-BYT**

- Vụ việc không thuộc thời hạn có hiệu lực của bảo hiểm

Theo nội dung Hợp đồng bảo hiểm và Giấy chứng nhận bảo hiểm, hiệu lực bảo hiểm bắt đầu khi Sản phẩm rời Sân bay Frankfurt, Đức và kết thúc khi Sản phẩm đến Sân bay Nội Bài, Hà Nội. Tuy nhiên, dữ liệu cảm biến nhiệt cho thấy nhiệt độ tăng trước thời điểm máy bay cất cánh, Sản phẩm chưa xếp lên máy bay. Do vậy, sự việc xảy ra khi bảo hiểm chưa có hiệu lực và Sản phẩm nếu có thiệt hại cũng không được bảo hiểm trong vụ việc này.

- Vụ việc không có thiệt hại được bảo hiểm

Theo nội dung đơn khởi kiện, nguyên đơn khởi kiện Bị đơn với lý do lô hàng

dược phẩm HeparinInjection BP 5,000 units/ml phải hủy bỏ căn cứ vào khuyến nghị của Nhà sản xuất Panpharma và yêu cầu Bị đơn trả tiền bồi thường bảo hiểm cho thiệt hại của Sản phẩm. Tuy nhiên, căn cứ nói trên của Nguyên đơn để tiêu hủy Sản phẩm không phù hợp quy định của pháp luật về điều kiện hủy thuốc sau đây:

Theo quy định tại Điều 63, Điều 65 Luật Dược năm 2016; Điều 11, Điều 12, Điều 15 Thông tư số 11/2018/TT-BYT ngày 04/5/2018 của Bộ Y tế, “hủy thuốc” chỉ trong trường hợp Cục Quản lý Dược, Bộ Y tế ra các kết luận/quyết định sau: (1) *Kết luận xác định thuốc thuộc một trong ba “mức độ vi phạm của thuốc”,* (2) *quyết định thu hồi thuốc,* (3) *Xử lý thuốc bị thu hồi,* theo đó tùy từng mức độ vi phạm của thuốc thì xác định tiêu hủy thuốc hoặc khắc phục, tái xuất thuốc mà không tiêu hủy thuốc thu hồi.

Trong vụ việc này, nguyên đơn đã không thực hiện quy định trên về quy trình “bắt buộc” chứng minh Sản phẩm thuộc Mức độ vi phạm đến mức phải thu hồi và tiêu hủy theo quy định tại Điều 63, Điều 65 Luật Dược năm 2016; Điều 11, Điều 12, Điều 15 Thông tư số 11/2018/TT-BYT nói trên.

Nguyên đơn căn cứ vào Kết quả kiểm nghiệm của Viện kiểm nghiệm thuốc trung ương của mẫu thử lấy ở kiện số 07 để hủy bỏ 06 kiện hàng còn lại là hoàn toàn không có căn cứ bởi 06 kiện hàng này vận chuyển trong các kiện khác nhau, không được gắn cảm biến nhiệt độ và hoàn toàn tách biệt, độc lập với kiện số 7.

- *Vụ việc thuốc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo điểm 2.3 và 2.4 Điều 2 Loại trừ bảo hiểm của Điều khoản bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường hàng không ICC 1/1/82.*

Nguyên nhân chỉ tiêu định lượng của sản phẩm không đạt là do lỗi ẩn tỳ, nội tỳ của sản phẩm và thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm quy định tại Điểm 2.4 Điều khoản bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường hàng không ICC 1/1/82.

Việc bảo quản, đóng gói hàng hóa của nhà sản xuất, bên vận chuyển không đáp ứng yêu cầu, quy định về nhiệt độ của nhà sản xuất quy định tại Hợp đồng mua bán (Sale Contract) và độ ổn định nhiệt độ của sản phẩm (Transportation/Temperature excursions). Việc đóng gói, chuẩn bị không phù hợp nói trên được thực hiện trước khi máy bay cất cánh (thời điểm bảo hiểm có hiệu lực). Do đó, trường hợp Sản Phẩm bị tổn thất, thiệt hại do việc đóng gói, chuẩn bị không thích hợp hoặc không đầy đủ trước khi bảo hiểm cho Sản Phẩm có hiệu lực sẽ không được bảo hiểm theo điều khoản loại trừ bảo hiểm 2.3.

Từ những phân tích nêu trên, VBI đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường bảo hiểm của CPC1.

**5.2 Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương CPC1 (nguyên đơn) trình**



**bày:**

***Thứ nhất, về việc sử dụng tài liệu nước ngoài không được hợp thức hóa lãnh sự***

Các tài liệu CPC1 cung cấp tại Tòa án cấp sơ thẩm là tài liệu được Công ty bảo hiểm Vietinbank Hà Nội (VBI) (đơn vị đại diện VBI ký kết Hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm hàng hóa vận chuyển số 003.KD05.GCN.HH3.22.001514 ký ngày 01/03/2022) gửi cho CPC1 thông qua email. CPC1 đã lập vi bằng và thực hiện dịch thuật công chứng toàn bộ tài liệu đó sang tiếng Việt trước khi cung cấp tại Tòa án. Như vậy, toàn bộ các tài liệu này được thu thập tại Việt Nam, không phải là tài liệu nước ngoài nên không cần thiết phải thực hiện hợp thức hóa lãnh sự theo ý kiến của nguyên đơn.

Bên cạnh đó, nguyên đơn và bị đơn đồng thuận chấp nhận mọi tài liệu do các đơn vị giám định thu thập. Các tài liệu này đủ yếu tố để được xác định là chứng cứ trong vụ án. Bản thân các chứng cứ này hoàn toàn khách quan được chính bị đơn thừa nhận và gửi cho nguyên đơn, nguyên đơn không tự thu thập hay tham dự vào quá trình thu thập tài liệu.

***Thứ hai, về căn cứ yêu cầu bồi thường bảo hiểm***

- Về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm: Theo Điều 5.1 Điều khoản bảo hiểm hàng không ICC 1/1/82 (đính kèm theo Hợp đồng bảo hiểm số 003) quy định về “Thời hạn bảo hiểm” như sau: “*Bảo hiểm này có hiệu lực từ khi đối tượng bảo hiểm rời kho, nhà hay nơi lưu chứa tại địa điểm ghi trong đơn bảo hiểm này... để bắt đầu việc vận chuyển, tiếp tục quá trình vận chuyển bình thường....*”. Và theo địa điểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm hàng hóa “*Nơi đi*” là “*Sân bay Frankfurt, Đức*”, vậy phải được hiểu bảo hiểm này có hiệu lực từ khi đối tượng bảo hiểm rời kho, nơi chứa của “*Sân bay Frankfurt, Đức*” để đưa vào quá trình vận chuyển bình thường lên máy bay – rời Sân bay Frankfurt, Đức và về Việt Nam, chứ không thể hiểu theo giải thích của VBI là từ khi máy bay rời khỏi Sân bay Frankfurt, Đức.

Căn cứ bản tra cứu hành trình có thể thấy, hàng hóa bảo hiểm đã được chuyển cho Hãng bay - Người chuyên chở từ 13:45 ngày 08/6/2022, phù hợp với ngày bị đơn phát hành GCNBH sửa đổi, bổ sung và cũng là GCNBH cuối cùng liên quan đến vụ việc.

Thời gian xảy ra sự kiện bảo hiểm theo ghi nhận của thiết bị theo dõi nhiệt độ là từ 8:58:58 ngày 10/6/2022 đến 11:38:58 ngày 10/6/2022, quy đổi sang giờ tại Đức là 10:58:58 ngày 10/6/2022 đến 13:38:58 ngày 10/6/2022. Chuyến bay khởi hành lúc 15:14 ngày 10/6/2022. Như vậy, thời gian tăng nhiệt độ là khi hàng hóa đang trong quá trình chờ, chuyển xếp lên máy bay tại sân bay nên sự kiện bảo hiểm xảy ra trong thời hạn bảo hiểm.

- CPC1 xác định có thiệt hại vì Hàng hóa là thuốc không đạt một chỉ tiêu chất lượng bất kỳ được xem là không đủ tiêu chuẩn lưu hành và buộc phải thu hồi theo luật định.

Căn cứ nguyên tắc 13.5 tại Mục 13 tại Phụ lục I ban kèm theo Thông tư 03/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 qui định về thực hành tốt phân phối thuốc, thì khi điều kiện về nhiệt độ bảo quản đối với Heparine không được duy trì trong giới hạn cho phép theo quy định của nhà sản xuất trong suốt quá trình vận chuyển thì phương án xử lý đối với thuốc sẽ phải theo đề xuất của nhà sản xuất.

Tại trang 5/48 Mục 13 của Báo cáo giám định số AI-0663588 ngày 13/01/2023 của Cosmismar có nội dung khuyến nghị của Hãng Panpharma về việc cần phải “hủy bỏ toàn bộ lô hàng”. Do đó, có đủ cơ sở để xác định thiệt hại đối với toàn bộ lô hàng Heparine do vượt quá nhiệt độ theo khuyến nghị của nhà sản xuất.

Bên cạnh đó, căn cứ Phiếu kiểm nghiệm của Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương số 52G-856 ngày 21/10/2022 so sánh chỉ tiêu 7-định lượng BP-2020 chỉ đạt 81,3% so với tiêu chuẩn là từ 90,0% đến 111,0%, có thể xác định hàm lượng thuốc vượt mức giới hạn là 9,7% thuộc vi phạm mức độ 2. Nên theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Thông tư 11/2018/TT-BYT ngày 04/5/2018 về xử lý thuốc bị thu hồi thì lô hàng Heparine nêu trên thuộc trường hợp phải tiêu hủy.

Thuốc bị tiêu hủy có hai trường hợp: trước khi lưu hành và sau khi lưu hành. Các quy định về thu hồi thuốc bị tiêu hủy của bị đơn đưa ra là quy định tiêu hủy đối với thuốc sau khi đã lưu hành. Việc xác định mức độ vi phạm chất lượng là dùng cho mục đích thu hồi. Tuy nhiên, lô hàng Heparine nêu trên của CPC1 mới nhập khẩu, chưa được đưa ra lưu hành nên không phải diện thu hồi theo trích dẫn luật của bị đơn.

### ***Thứ ba, về các đơn vị giám định***

Tất cả các đơn vị giám định đều do VBI chỉ định. Mọi trao đổi, làm việc giữa CPC1 với các đơn vị giám định này đều qua VBI, CPC1 không trực tiếp trao đổi bất kỳ nội dung gì với các đơn vị giám định này.

Atlantis Việt Nam là đơn vị giám định của Cosmismar tại Việt Nam được VBI chỉ định thực hiện việc lấy mẫu để giám định hàng hóa thông qua email ngày 01/8/2022. Sau đó, ngày 02/8/2022, Atlantis Việt Nam cử giám định viên đến CPC1 lấy mẫu và cùng ngày các bên lập Biên bản lấy mẫu hàng hóa để xác định chất lượng. Tiếp đó đến ngày 06/9/2022, Atlantis Việt Nam tiếp tục chỉ định giám định viên đến lấy cảm biến nhiệt độ để giám định.

Từ những phân tích trên, CPC1 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của VBI, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự thống nhất xác nhận ngoài các tài liệu chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì không còn tài liệu chứng cứ nào khác để nộp cho Tòa án và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trình bày quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ thủ tục thụ lý vụ án, mở phiên tòa và tại phiên tòa xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn xác định được: Công ty cổ phần dược phẩm trung ương CPC1 đã tham gia bảo hiểm cho lô hàng nhập khẩu gồm 7 kiện/4593 kg dược phẩm Heparin Injection BP 5,000 units/ml (“Sản Phẩm”), theo Hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm hàng hóa vận chuyển số 003.KD05.GCN.HH3.22.001514 ngày 01/03/2022. Hợp đồng bảo hiểm được hai bên ký kết trên cơ sở tự nguyện phù hợp với pháp luật, thông qua việc trả, thu phí và phát hành chứng nhận bảo hiểm hàng hóa giữa hai bên. Nên các bên phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo nội dung thỏa thuận đã ký trong hợp đồng

*Về thời hạn bảo hiểm:* Theo Giấy chứng nhận bảo hiểm hàng hóa nhập khẩu (“GCNBH”) số 003.KD05.GCN.HH3.22.005118 ngày 06/06/2022 và sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận bảo hiểm số 1/22/003.KD05.GCN.HH3.22.005118 cấp ngày 08/6/2022, địa điểm ghi trên đơn bảo hiểm “Nơi đi” là “Sân bay Frankfurt, Đức”. Vậy, bảo hiểm này có hiệu lực từ khi đối tượng bảo hiểm rời kho, nơi chứa của “Sân bay Frankfurt, Đức” để đưa vào quá trình vận chuyển bình thường lên máy bay – rời Sân bay Frankfurt, Đức và về Việt Nam.

*\* Về sự kiện bảo hiểm:* Sự kiện bảo hiểm đối với lô hàng Heparine của CPC1 không thuộc các trường hợp loại trừ bảo hiểm theo điểm 2.3 và điểm 2.4 Điều 2 Loại trừ bảo hiểm theo Điều khoản bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường hàng không ICC Air 1/1/82 được đính kèm theo Hợp đồng bảo hiểm 03.KD05.GCN.HH3.22.001514 ký ngày 01/03/2022 giữa CPC1 và VBI. Do đó, khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, VBI phải có trách nhiệm bồi thường theo hợp đồng hai bên đã ký kết. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của CPC1 buộc VBI phải bồi thường thiệt hại theo hợp đồng bảo hiểm là có căn cứ.

*\* Đối với yêu cầu lãi:* CPC1 yêu cầu Tòa án buộc VBI phải thanh toán khoản tiền lãi do chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/năm từ ngày 22/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/9/2024 là 5.317.000.000 đồng, tiếp tục tính lãi sau ngày xét xử

sơ thẩm cho đến khi VBI trả hết nợ là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của CBI, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên VBI phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Xét về thủ tục kháng cáo:**

Ngày 30/9/2024, Tòa án nhân dân quận Đống Đa nhận được đơn kháng cáo của VBI đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 96/2024/KDTM-ST ngày 20/9/2024. Đơn kháng cáo do bà Bùi Thị Thanh Xuân là người đại diện theo pháp luật ký. Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn luật định và Người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên việc kháng cáo là hợp lệ. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết là đúng thẩm quyền.

*Về người tham gia tố tụng:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do và có bản trình bày xin vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

#### **[2]. Về nội dung kháng cáo:**

##### **2.1 Về thủ tục tố tụng tại cấp sơ thẩm**

*Thứ nhất, đối với nội dung kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng tài liệu nước ngoài là Báo cáo giám định của Công ty Comismar; tài liệu có tên "Certificate of Analysis" – Giấy xuất xưởng không được hợp pháp hóa lãnh sự, không được dịch thuật công chứng là vi phạm khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.*

##### *Xét thấy:*

Ngày 17/6/2022, sau khi VBI nhận được email thông báo của CPC1 về việc Lô hàng Heparin được bảo hiểm xảy ra sự cố do trong quá trình vận chuyển có khoảng thời gian hàng hóa bị vượt quá giới hạn nhiệt độ cho phép, VBI đã chỉ định Công ty cổ phần Giám định Spica là đơn vị giám định độc lập tại Việt Nam thực hiện giám định hàng hóa tại kho của CPC1 vào ngày 20/6/2022 để xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất. Ngày 27/6/2022, VBI và CPC1 thống nhất thuê

đơn vị giám định độc lập tại Đức để điều tra về nguyên nhân sự cố. Theo đó, VBI đã chỉ định Marlin Blue là bên thứ ba độc lập thực hiện chỉ định giám định và Marlin Blue đã chỉ định 02 đơn vị giám định là Comismar - đơn vị thực hiện giám định ở Đức và Atlantic - đơn vị thực hiện giám định ở Việt Nam. Cosmismar đã có Báo cáo giám định số AI-0663588 ngày 13/01/2023 gửi VBI và VBI đã gửi cho CPC1 thông qua email. Ngày 21/8/2023, VBI đã căn cứ Báo cáo giám định nêu trên của Cosmismar ra Thông báo số 2208/CV-VB13.2 để từ chối chi trả bảo hiểm.

Như vậy, các tài liệu, chứng cứ do CPC1 cung cấp tại Tòa án cấp sơ thẩm là tài liệu được Công ty bảo hiểm Vietinbank Hà Nội (VBI) (*đơn vị đại diện VBI ký kết Hợp đồng bảo hiểm*) gửi cho CPC1 thông qua email, trong đó có Báo cáo giám định số AI-0663588 ngày 13/01/2023 của Cosmismar. Các đơn vị giám định trên đều do VBI chỉ định và thực hiện giám định theo yêu cầu của VBI. Tài liệu có tên “Certificate of Analysis” – Giấy xuất xưởng là một trong các tài liệu do nhà sản xuất Panpharma cung cấp cho đơn vị giám định Cosmismar và được lưu trong hồ sơ giám định (trang 25/48), không phải là tài liệu, chứng cứ do CPC1 tự thu thập. Các chứng cứ này hoàn toàn khách quan được chính VBI thừa nhận và gửi cho CPC1, CPC1 không tự thu thập hay tham dự vào quá trình thu thập tài liệu trên. CPC1 đã lập vi bằng và thực hiện dịch thuật công chứng toàn bộ tài liệu đó sang tiếng Việt trước khi cung cấp tại Tòa án. Do đó, các báo cáo giám định, trong đó có Báo cáo giám định số AI-0663588 ngày 13/01/2023 của Cosmismar do VBI gửi cho CPC1 đã được các bên thừa nhận, thuộc trường hợp các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự và không cần thiết phải làm thủ tục hợp thức hóa lãnh sự. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của VBI cho rằng những tài liệu, chứng cứ trên phải được hợp thức hóa lãnh sự và chưa được dịch thuật là không có cơ sở.

*Thứ hai, đối với nội dung kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và vi phạm thẩm quyền xét xử.*

Theo Báo cáo giám định số AI-0663588 ngày 13/01/2023 của Cosmismar thể hiện Cosmismar với tư cách là đơn vị giám định do VBI chỉ định đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ và lấy ý kiến của các bên liên quan, trong đó có: *ý kiến của Nhà sản xuất Phanpharma (trang 5/48); Kết quả phân tích & Giấy chứng nhận phân tích của Phanpharma (trang 25, 26/48); tuyên bố của Phanpharma & điều kiện bảo quản và vận chuyển lâu dài (trang 37, 38/48); Giám định viên của Cosmismar đã tiến hành giám sát toàn bộ quá trình lấy mẫu của của Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương (trang 04/48); Phiếu kiểm nghiệm ngày 21/10/2022 của Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương (trang 23 và 24/48); Thông báo hàng đến của Công ty HHBL (trang 39/48).*

Như vậy, trong quá trình giám định xác định thiệt hại của Lô hàng Heparin,

Nhà sản xuất Panpharma GmbH và Công ty HHBL đã phối hợp cung cấp tài liệu, chứng cứ và có ý kiến đối với việc vận chuyển Lô hàng Heparin của CPC1 theo yêu cầu của các đơn vị giám định. Đơn vị giám định Cosmismar đã chứng kiến và giám sát việc lấy mẫu để kiểm nghiệm thuốc của Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương. Các ý kiến và tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp đã được ghi nhận và lưu trong hồ sơ giám định, đã được VBI thừa nhận. Hơn nữa, trong vụ án này, CPC1 khởi kiện yêu cầu VBI bồi thường bảo hiểm liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm hàng hóa vận chuyển số 003.KD05.GCN.HH3.22.001514 ngày 01/03/2022 giữa CPC1 và VBI, không có yêu cầu nào khác. Do đó, xét thấy không cần thiết phải đưa Panpharma GmbH và Công ty HHBL vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoặc nếu cần lời khai của họ thì chỉ đưa vào với tư cách là người làm chứng. Trường hợp có lỗi của đơn vị vận chuyển hoặc do nguyên nhân nào khác, VBI có quyền thực hiện yêu cầu đòi bồi hoàn bảo hiểm theo quy định của pháp luật kinh doanh bảo hiểm.

Tại cấp phúc thẩm, để làm rõ một cách khách quan các yêu cầu của đương sự và yêu cầu kháng cáo của VBI, Tòa án đã đưa Panpharma GmbH và Công ty HHBL vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đề nghị trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường bảo hiểm của CPC1 đối với VBI. Tại các bản trình ý kiến, Panpharma GmbH và Công ty HHBL đều giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại các báo cáo giám định và khẳng định không có lỗi đối với tổn thất trong việc vận chuyển dẫn Lô hàng Heparin của CPC1. Đồng thời, họ không có liên quan đến hợp đồng bảo hiểm giữa CPC1 và VBI nên đề nghị Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và xin vắng mặt trong các phiên họp và xét xử của Tòa án.

Do đó, kháng cáo của VBI cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và vi phạm thẩm quyền xét xử là không có cơ sở.

## **2.2. Về nội dung vụ án:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, có cơ sở xác định Công ty CPC1 và VBI đã ký kết Hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm hàng hóa vận chuyển số 003.KD05.GCN.HH3.22.001514 ngày 01/3/2022. Đối tượng bảo hiểm: Tân dược các loại, chở rời hoặc đóng gói trong Container nhập khẩu vận chuyển bằng đường máy bay nhập khẩu về Việt Nam.

Sau khi ký hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm vận chuyển hàng hóa, ngày 11/6/2022, VBI đã cấp cho CPC1 Giấy chứng nhận bảo hiểm hàng hóa nhập khẩu số 003.KD05.GCN.HH3.22.005118 ngày 06/6/2022 và sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận bảo hiểm số 1/22/003. KD05.GCN.HH3.22.005118 ngày 08/6/2022 cho **Lô hàng Heparin Injection BP 5,000 units/ml** nhập khẩu từ nhà sản xuất

Panpharma (Đức), được vận chuyển trên chuyến bay số hiệu VN036/10JUN đi từ sân bay Frankfurt (Đức) về đến sân bay Nội Bài. Số tiền bảo hiểm: **26.621.954.425 VNĐ** (1.041.660,4 EUR) (110% FCA)

*Xét thấy:*

Việc ký hợp đồng bảo hiểm giữa VBI và CPC1 trên cơ sở tự nguyện; Hình thức, nội dung của Hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 116, 117, 118, 119 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 12, 13, 14, 22 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2019. Khi ký hợp đồng, các bên cam kết đã xem xét kỹ, hiểu rõ, chấp nhận và thực hiện đúng toàn bộ nội dung của Hợp đồng và các Quy tắc, điều kiện, điều khoản bảo hiểm kèm theo. Hiện nay các bên không kháng cáo về tính pháp lý của Hợp đồng nên có hiệu lực pháp luật.

Hiện nay, VBI kháng cáo không đồng ý với yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường bảo hiểm của Công ty CPC1 đối với Lô hàng Heparin vì cho rằng vụ việc không thuộc thời hạn có hiệu lực của bảo hiểm, không có thiệt hại được bảo hiểm và thuộc các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm.

***Thứ nhất**, đối với nội dung kháng cáo cho rằng vụ việc không thuộc thời hạn có hiệu lực của bảo hiểm*

*Hội đồng xét xử nhận thấy:*

- Tại Điều 5.1 Điều khoản bảo hiểm hàng không ICC 1/1/82 (đính kèm theo Hợp đồng bảo hiểm số 003.KD05.GCN.HH3.22.001514 ngày 01/3/3033) quy định:

*“5.1 Bảo hiểm này có hiệu lực từ khi đối tượng bảo hiểm rời kho, nhà hay nơi lưu chứa tại địa điểm ghi trong đơn bảo hiểm này để bắt đầu việc vận chuyển, tiếp tục quá trình vận chuyển bình thường ....”.*

Theo Giấy chứng nhận bảo hiểm hàng hóa nhập khẩu (“GCNBH”) số 003.KD05.GCN.HH3.22.005118 ngày 06/6/2022 và sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận bảo hiểm số 1/22/003.KD05.GCN.HH3.22.005118 cấp ngày 08/6/2022, địa điểm ghi trên đơn bảo hiểm “**Nơi đi**” là “**Sân bay Frankfurt, Đức**”.

Theo thỏa thuận trên cần hiểu rằng thời điểm bắt đầu có hiệu lực của bảo hiểm là từ khi đối tượng bảo hiểm rời kho, nhà hay nơi lưu chứa tại Sân bay Frankfurt, Đức để bắt đầu việc vận chuyển bằng máy bay, bao gồm thời gian xếp chờ, chuyển tải, xếp hàng lên máy bay cho tới khi hàng hóa được bốc dỡ khỏi máy bay giao tới kho của Người nhận hay tới kho, nhà hay nơi lưu chứa cuối cùng tại Sân bay nơi đến. Từ thời điểm đó, hàng hóa bắt đầu được bảo hiểm theo quy định tại Điều 5.1 Điều khoản bảo hiểm hàng không ICC 1/1/82.

- Mặt khác, theo hợp đồng mua bán giữa CPC1 và Panpharma GmbH thì đơn giá mua **Lô hàng Heparin Injection BP 5,000 units/ml** nhập khẩu từ nhà

sản xuất Panpharma (Đức) được tính theo điều kiện FCA Hamburg.

FCA – Free Carrier, nghĩa là Giao hàng cho người chuyên chở, là một thuật ngữ thường được sử dụng trong thương mại quốc tế, thuộc nhóm F trong 11 điều khoản Incoterm 2020. Theo FCA trong Incoterm 2020, người bán hay người xuất khẩu chịu trách nhiệm đóng gói hàng hóa và xếp hàng lên phương tiện chuyên chở tại vị trí đã xác định (*bến cảng hoặc nhà xe của đơn vị vận tải*). Trong khi đó người mua có trách nhiệm tìm đơn vị vận tải để vận chuyển lô hàng. Sau khi bên bán giao hàng, rủi ro sẽ được chuyển sang cho người chuyên chở thứ nhất. Người bán hết trách nhiệm chịu rủi ro trong khâu vận chuyển hàng hóa khi hàng đã được giao cho người vận tải của người mua thuê. Theo đó, trường hợp nếu giao hàng tại sân bay cho các hãng bay mà người mua thuê, thì người bán chỉ cần chờ hàng đến các kho của hãng bay do người mua thuê là hết trách nhiệm chịu rủi ro. Thậm chí người bán không phải chịu trách nhiệm và chi phí cho việc dỡ hàng xuống khỏi xe tải tại kho này. Còn người mua phải chịu rủi ro và tổn thất về hàng hóa từ khi hàng được giao cho người vận tải.

Trong vụ án này, theo Giấy chứng nhận bảo hiểm hàng hóa nhập khẩu (“GCNBH”) số 003.KD05.GCN.HH3.22.005118 ngày 06/6/2022 thì giá trị bảo hiểm của hàng hoá là 110%/FCA. Như vậy, các bên đã thỏa thuận bảo hiểm vận chuyển hàng hóa theo điều kiện FCA và CPC1 đã mua bảo hiểm đối với Lô hàng Heparin với giá bảo hiểm theo điều kiện FCA. Công ty HHBL là đơn vị vận chuyển do CPC1 thuê để nhận và chuyển Lô hàng Heparin từ Sân bay Frankfurt, Đức về Việt Nam. Do đó, thời điểm CPC1 chịu rủi ro và tổn thất về hàng hóa là từ khi hàng được giao cho Công ty HHBL tại Sân bay Frankfurt.

Căn cứ bản tra cứu hành trình thì Hàng hóa bảo hiểm đã được chuyển cho Công ty HHBL - Người chuyên chở tại **Sân bay Frankfurt, Đức từ 13:45 ngày 08/6/2022. Từ 00:18 đến 01:04 ngày 09/6/2022**, hàng hóa đã được hãng bay nhận đầy đủ từ người gửi hàng/ Công ty HHBL để đưa vào quá trình vận chuyển lên máy bay. Như vậy, theo điều kiện FCA Intercom 2020 và Điều 5.1 Điều khoản bảo hiểm hàng không ICC 1/1/82 thì thời điểm có hiệu lực bảo hiểm hàng không của lô hàng trên còn phải được tính bắt đầu từ **01:04 ngày 09/6/2024**, là thời điểm hãng bay tại Sân bay Frankfurt nhận hàng để bắt đầu việc vận chuyển bằng đường hàng không.

- Theo quy định tại Điều 21 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 về Giải thích hợp đồng bảo hiểm “*Trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm có điều khoản không rõ ràng thì điều khoản đó được giải thích theo hướng có lợi cho bên mua bảo hiểm*”.

VBI – Bị đơn cho rằng thời hạn bảo hiểm của lô hàng bắt đầu từ khi máy bay cất cánh rời Sân bay Frankfurt, Đức (**15:14 ngày 10/6/2022**) cho đến khi tới Sân bay Nội Bài, Hà Nội là không đúng, là có lợi cho công ty bảo hiểm, không phù



hợp với quy định về giải thích hợp đồng theo quy định Điều 21 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000.

- Ngày 13/6/2022, CPC1 kiểm tra lô hàng và trích xuất dữ liệu thông tin từ data logge phát hiện lô hàng có khoảng thời gian từ **8:58:58** đến **11:38:58 ngày 10/6/2023** (khoảng 3 giờ) bị vượt nhiệt độ quá **60°C** nhiệt độ được ghi nhận là **74,4°C** vào thời điểm **11:28:58 ngày 10/6/2022**. Đây là khoảng thời gian hàng hóa đang xếp chờ ở trong Sân bay Frankfurt, Đức để vận chuyển lên máy bay. Như vậy, sự kiện bảo hiểm - sự cố tăng nhiệt độ xảy ra trong khoảng thời gian từ **8:58:58** đến **11:38:58 ngày 10/6/2023** là thuộc thời hạn có hiệu lực của bảo hiểm, dẫn đến phát sinh hậu quả pháp lý về trách nhiệm bồi thường bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm vận chuyển hàng hóa mà hai bên đã ký kết.

*Thứ hai, đối với nội dung kháng cáo cho rằng vụ việc không có thiệt hại được bảo hiểm; CPC1 đề nghị tiêu hủy Sản phẩm không phù hợp với quy định của pháp luật về điều kiện hủy thuốc và quy trình “bắt buộc” chứng minh Sản phẩm thuộc Mức độ vi phạm đến mức phải thu hồi và tiêu hủy.*

*Hội đồng xét xử nhận thấy:*

- Tại Trang 5/48 Mục 13 của Báo cáo giám định số AI-0663588 ngày 13/01/2023 của Cosmismar có ghi nhận phản hồi của nhà sản xuất Panpharma đối với câu hỏi độc lập từ đơn vị giám định Cosmismar như sau: “74° C là nhiệt độ rất cao và do không có bằng chứng về độ ổn định ở nhiệt độ này nên chúng tôi khuyến cáo hủy bỏ sản phẩm”. Nhà sản xuất Panpharma đã có ý kiến khi được phẩm bị tác động nhiệt lên tới 74°C là nhiệt độ rất cao và dẫn đến được phẩm không đảm bảo chất lượng lưu hành. Việc khuyến nghị hủy bỏ thuốc là cần thiết nhằm đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng.

Tại Mục 13 tại Phụ lục I ban kèm theo Thông tư 03/2018/TT-BYT ngày 9/02/2018 qui định về thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên tắc 13.5 có qui định: “13.5. Điều kiện bảo quản quy định đối với thuốc phải được duy trì trong giới hạn cho phép trong suốt quá trình vận chuyển. Nếu cơ sở hoặc cá nhân chịu trách nhiệm vận chuyển phát hiện thấy tình trạng sai lệch trong quá trình vận chuyển thì phải thông báo cho cơ sở phân phối và nơi tiếp nhận. Trong trường hợp nơi tiếp nhận phát hiện thấy tình trạng sai lệch thì nơi tiếp nhận phải thông báo cho cơ sở phân phối. **Trường hợp cần thiết, cần phải liên lạc với cơ sở sản xuất để có các thông tin liên quan đến các bước phù hợp cần thực hiện tiếp theo**”.

Như vậy, trong trường hợp này khi điều kiện về nhiệt độ bảo quản đối với Lô Heparine không được duy trì trong giới hạn cho phép theo quy định của nhà sản xuất trong suốt quá trình vận chuyển thì phương án xử lý đối với Lô thuốc Heparine sẽ phải theo đề xuất của nhà sản xuất. Phản hồi của nhà sản xuất Panpharma GmbH tại Báo cáo giám định số AI-0063588 của Cosmismar ngày

13/01/2023 về việc **khuyến nghị hủy bỏ** thuốc là cơ sở xác định Lô thuốc Heparine của CPC1 đã thiệt hại, từ đó phát sinh sự kiện được bảo hiểm.

- Theo Phiếu kiểm nghiệm của Viện Kiểm nghiệm thuốc trung ương ngày 21/10/2022 kết luận: “*Mẫu gửi kiểm nghiệm không đạt yêu cầu chất lượng chỉ tiêu định lượng, các chỉ tiêu còn lại đạt yêu cầu chất lượng theo Dược điển Anh 2020 và Tiêu chuẩn cơ sở*”.

Tại khoản 32 Điều 2 Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016 quy định: “32. *Thuốc không đạt chất lượng là thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền*”. Và khoản 2 Điều 49 Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016 quy định: “2. *Thuốc lưu hành trên thị trường phải đáp ứng các yêu cầu sau đây: a) Đạt tiêu chuẩn chất lượng và bảo đảm về an toàn, hiệu quả*.”

Tại Phụ lục II – Thông tư 11/2018/TT-BYT ngày 04/5/2018 Bộ Y tế quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc quy định: “*Thuốc vi phạm mức độ 2: Thuốc có hàm lượng nằm ngoài mức giới hạn 5% so với giới hạn quy định tại hồ sơ đăng ký; ...*”.

Tại Khoản 2 Điều 15 Thông tư 11/2018/TT-BYT ngày 04/5/2018 về xử lý thuốc bị thu hồi quy định: “2. *Thuốc bị thu hồi phải tiêu hủy khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Thuốc bị thu hồi do vi phạm mức độ 1 hoặc mức độ 2; ...*”.

Như vậy, theo Phiếu kiểm nghiệm của Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương số 52G-856 ngày 21/10/2022 so sánh chỉ tiêu 7 - định lượng BP-2020 chỉ đạt 81,3% so với tiêu chuẩn là từ 90,0% đến 111,0%, có thể xác định hàm lượng thuốc bị giảm sút vượt mức giới hạn là **9,7%**, thuộc vi phạm mức độ 2. Căn cứ các quy định nêu trên, tại Văn bản số 892/QLD-CL ngày 24/3/2025, Cục quản lý dược – Bộ y tế trao đổi với trường hợp này, Lô thuốc Heparin không đạt tiêu chuẩn về chỉ tiêu định lượng, vi phạm mức độ 2, không đáp ứng điều kiện lưu hành và phải tiêu hủy. Do đó, đây cũng là cơ sở xác định Lô thuốc Heparine của CPC1 bị thiệt hại và phát sinh sự kiện được bảo hiểm.

- Về việc xác định có hay không thiệt hại đối với toàn bộ lô hàng, nhà sản xuất Panpharma đã có ý kiến trả lời cho đơn vị giám định Comismar tại Trang 5/48 Mục 13 của Báo cáo giám định số AI-0663588 ngày 13/01/2023 như sau: “*Xin lưu ý rằng việc chỉ đặt MỘT thiết bị ghi dữ liệu nhiệt độ vào MỘT thùng carton của lô hàng là quy trình tiêu chuẩn, thông thường của chúng tôi đối với các lô hàng xuất khẩu. Vì tất cả các thùng carton đều thuộc cùng một lô hàng và được vận chuyển trong cùng điều kiện nên như vậy là đủ. Do đó, báo cáo của thiết bị ghi dữ liệu được coi là có giá trị đối với TOÀN BỘ lô hàng*”. Mặt khác, trong quá trình giám định và đến thời điểm hiện nay, VBI không có yêu cầu hoặc đề

ngiht thực hiện lấy mẫu giám định đối với 06 kiện hàng còn lại. Do đó, VBI cho rằng: “CPC1 căn cứ vào Kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử lấy ở kiện số 07 để hủy bỏ 06 kiện hàng còn lại là hoàn toàn không có căn cứ bởi 06 kiện hàng này vận chuyển trong các kiện khác nhau, không được gắn cảm biến nhiệt độ và hoàn toàn tách biệt, độc lập với kiện số 7” là không đúng.

**Thứ ba**, đối với nội dung kháng cáo cho rằng vụ việc thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo điểm 2.4 Điều 2 Loại trừ bảo hiểm của Điều khoản bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường hàng không ICC 1/1/82.

*Hội đồng xét xử nhận thấy:*

Tại Điểm 2.4. Loại trừ bảo hiểm - Điều khoản bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường hàng không ICC 1/1/82 quy định: “Bảo hiểm này không bồi thường cho: 2.4 tổn thất, thiệt hại hay chi phí do ản tỳ, nội tỳ của đối tượng được bảo hiểm”.

VBI xác định: Nguyên nhân chỉ tiêu định lượng của sản phẩm không đạt là do lỗi ản tỳ, nội tỳ của sản phẩm và thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm quy định tại Điểm 2.4 Điều khoản bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường hàng không ICC 1/1/82 nhưng chỉ là nhận định chủ quan, không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh sản phẩm bị lỗi ản tỳ, nội tỳ hoặc lỗi ản tỳ, nội tỳ là nguyên nhân làm giảm chỉ tiêu định lượng của sản phẩm.

Trước khi sản phẩm được đóng gói và vận chuyển theo đơn đặt hàng của Công ty CPC1 phải trải qua quy trình kiểm tra chặt chẽ của Panpharma GmbH và có chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng mới được xuất xưởng, hoàn toàn loại trừ khả năng có lỗi ản tỳ. Theo thông lệ kinh doanh hàng Heparin, Panpharma GmbH chưa từng gặp bất kỳ trường hợp thuốc bị tăng nhiệt độ nội sinh. Trường hợp thuốc tăng nhiệt độ nội sinh thì chất lượng sản phẩm sẽ biến đổi ở nhiều chỉ tiêu chất lượng khác nhau.

Căn cứ dữ liệu của datalogger và căn cứ nhiệt độ tại Sân bay vào ngày 10/6/2022 nền nhiệt ngoài trời cao nhất là 23<sup>0</sup>C – nhiệt độ ở ngưỡng cho phép đối với Heparin. Thời điểm tăng nhiệt độ đột ngột được Cosmismar xác định là do tác động bên ngoài và trong khoảng thời gian ngắn, đây là rủi ro khách quan, không mong muốn và thuộc trường hợp được bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm vận chuyển đã ký kết.

**Thứ tư**, đối với nội dung kháng cáo cho rằng vụ việc thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo điểm 2.3 Điều 2 Loại trừ bảo hiểm của Điều khoản bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường hàng không ICC 1/1/82.

VBI cho rằng việc bảo quản, đóng gói hàng hóa của nhà sản xuất, bên vận chuyển không đáp ứng yêu cầu, quy định về nhiệt độ của nhà sản xuất quy định tại Hợp đồng mua bán (Sale Contract) và độ ổn định nhiệt độ của sản phẩm (Transportation/ Temperature excursions). Việc đóng gói, chuẩn bị không phù

hợp nói trên được thực hiện trước khi máy bay cất cánh (thời điểm bảo hiểm có hiệu lực). Do đó, trường hợp Sản Phẩm bị tổn thất, thiệt hại do việc đóng gói, chuẩn bị không thích hợp hoặc không đầy đủ trước khi bảo hiểm cho Sản Phẩm có hiệu lực sẽ không được bảo hiểm theo điều khoản loại trừ bảo hiểm 2.3.

*Hội đồng xét xử nhận thấy:*

- Tại Điều 2.3. Loại trừ bảo hiểm - Điều khoản bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường hàng không ICC 1/1/82 quy định “*Bảo hiểm này không bồi thường cho: Tổn thất, thiệt hại hay chi phí gây ra do việc đóng gói, chuẩn bị cho đối tượng được bảo hiểm không thích hợp hoặc không đầy đủ (với mục đích của Điều 2.3 này, “đóng gói” được hiểu là bao gồm cả việc xếp vào container hay thiết bị đựng hàng nhưng việc chất xếp này phải được tiến hành bởi Người được bảo hiểm, người làm công của họ hoặc trước khi đơn bảo hiểm này có hiệu lực*”.

- Đối với dược phẩm Heparin Injection BP 5,000 units/ml, nhà sản xuất Panpharma GmbH thông lệ từ nhiều năm nay, đều đóng gói bằng thùng carton và vận chuyển bằng đường biển hoặc đường hàng không; không bắt buộc phải sử dụng bao bì đẳng nhiệt hoặc “vật liệu cách nhiệt” hoặc điều kiện tương tự để đảm bảo độ ổn định nhiệt của thuốc Heparin không vượt quá nhiệt độ 25<sup>0</sup>C. Thực tế kinh doanh của Panpharma GmbH, thuốc Heparin cũng chỉ yêu cầu đóng gói bao bì cấp 2 bằng thùng carton. Ngoài ra, theo Incoterms và theo GMP của Panpharma GmbH, việc đóng gói Heparin bằng thùng carton là phù hợp, hoàn toàn không cần thiết phải sử dụng bao bì đẳng nhiệt hoặc điều kiện tương tự trong quá trình vận chuyển.

- Theo yêu cầu bảo quản thuốc, Thuốc cần được vận chuyển bằng bao bì đẳng nhiệt chỉ trong những trường hợp mà thuốc yêu cầu được bảo quản ở nhiệt độ cụ thể để duy trì chất lượng và hiệu quả, thường yêu cầu đối với các loại thuốc nhạy cảm với nhiệt độ như vắc-xin, thuốc sinh học, một số loại thuốc điều trị ung thư và một số loại thuốc khác cần bảo quản ở nhiệt độ lạnh thường là (từ 2<sup>0</sup>C đến 8<sup>0</sup>C) hoặc đông lạnh (nhiệt độ phải dưới -10<sup>0</sup>C). Đa số các thuốc hiện nay đều được khuyến nghị nên được bảo quản ở nhiệt độ từ 15<sup>0</sup>-25<sup>0</sup>C, đây là ở mức bảo quản ở nhiệt độ mát, không bắt buộc phải sử dụng bao bì đẳng nhiệt. Do đó, không có cơ sở bắt buộc nhà sản xuất Panpharma GmbH phải sử dụng bao bì đẳng nhiệt đối với thuốc Heparin.

- Theo Hợp đồng mua bán số 22-0023-01 ngày 24/3/2022 giữa Công ty CPC1 và Panpharma GmbH, hàng hóa được đóng gói bằng thùng carton, không bắt buộc phải sử dụng bao bì đẳng nhiệt hoặc “vật liệu cách nhiệt” hoặc điều kiện tương tự để đảm bảo độ ổn định nhiệt độ bảo quản ở mức không vượt quá 25<sup>0</sup>C... Trước khi lô hàng được vận chuyển, Công ty CPC1 đã gửi cho VBI Hợp đồng mua bán số 22-0023-01 ngày 24/3/2022; Packing List số ngày 01/06/2022; COO số 34499051 ngày 01/06/2022; COA số 201020000 ngày 19/05/2022; Invoice số

22209023 ngày 01/06/2022; Master Bill số 73852783485 ngày 01/06/2022; House Bill số TCI-10048452 ngày 08/06/2022; Tờ khai hải quan số 104765545951 ngày 08/06/2022. Hàng hóa được đóng gói 07 pallets/180 cartons trước khi phát hành bảo hiểm. Hàng được vận chuyển theo phương thức Keep Cool nhiệt độ từ 15°C đến 25°C; 07 pallets có gắn data logger theo dõi nhiệt độ từ nhà máy về Việt Nam.

Căn cứ dữ liệu của datalogger và căn cứ nhiệt độ tại Sân bay vào ngày 10/6/2022 nền nhiệt ngoài trời cao nhất là 23°C – nhiệt độ ở ngưỡng cho phép đối với Heparin. Lô hàng khi đóng gói và vận chuyển đã ghi rõ điều kiện bảo quản từ 15°C đến 25°C trên vận đơn, có nhãn chỉ thị nhiệt độ trên Pallet vận chuyển lô hàng, có thiết bị theo dõi nhiệt độ (data logger) đi kèm lô hàng khi vận chuyển từ nhà máy Panpharma GmbH tại Đức về Việt Nam.

Như vậy, đơn vị bảo hiểm đã biết rõ về hàng hóa được bảo hiểm và chấp nhận phương thức đóng gói và phương thức vận chuyển của hàng hóa trước thời điểm phát hành chứng thư bảo hiểm và trước thời điểm hàng hóa được đưa vào quá trình vận chuyển về Việt Nam; không có yêu cầu hay lưu ý nào khác về việc vận chuyển hàng hóa. Panpharma GmbH và đơn vị vận chuyển đã thực hiện toàn bộ các hoạt động cần thiết để hàng hóa được vận chuyển đảm bảo duy trì điều kiện bảo quản về nhiệt độ. Thời điểm tăng nhiệt độ đột ngột được xác định là do tác động bên ngoài và trong khoảng thời gian ngắn, đây là rủi ro khách quan không thể xác định chủ quan do lỗi đóng gói hoặc vận chuyển của Nhà sản xuất hay đơn vị vận chuyển được. Khi sự kiện bảo hiểm xảy ra, VBI lấy lý do lô hàng không sử dụng “*bao bì đậy nhiệt*” hoặc “*vật liệu cách nhiệt*” để từ chối bảo hiểm là cố tình nại ra trách nhiệm bảo hiểm.

- Việc giao nhận lô hàng Heparin đến Sân bay do đại lý của Công ty HHBL thực hiện nhưng Công ty HHBL và đại lý của mình không kiểm soát được hàng hóa từ sau thời điểm hàng hóa được đưa vào kho chuyển xếp của hãng hàng không. Việc chuyển xếp lô hàng Heparin lên máy bay do hãng hàng không thực hiện. Như vậy, việc sắp xếp, chuyển xếp hàng hóa trong sân bay để chuẩn bị cho việc vận chuyển do hãng hàng không tại sân bay thực hiện, không phải được tiến hành bởi Người được bảo hiểm hoặc người làm công của họ. Sau khi hàng hóa được giao cho Người chuyên chở, việc vận chuyển tiếp theo thuộc quyền định đoạt của Người chuyên chở, ngoài khả năng kiểm soát của CPC1 và CPC1 không phải chịu trách nhiệm đối với thời gian chậm trễ nếu có. Điều này cũng phù hợp với quy định tại Điều 5.3 Điều khoản bảo hiểm hàng không ICC 1/1/82 (đính kèm theo Hợp đồng bảo hiểm số 003): “Bảo hiểm này sẽ vẫn giữ nguyên hiệu lực (tuân theo các quy định chấm dứt hiệu lực như trên và như ở Điều 6 dưới đây) trong thời gian bị chậm trễ ngoài khả năng kiểm soát của Người được bảo hiểm, trong thời gian thay đổi hành trình bởi việc sử dụng quyền tự định đoạt của Người chuyên”

chở hàng không theo hợp đồng chuyên chở”.

Như vậy, sự kiện bảo hiểm đối với lô hàng Heparine Injection BP 5.000 units/ml, vận đơn TCI-100484452/738-52783485 của Công ty CPC1 không thuộc các trường hợp loại trừ bảo hiểm theo điểm 2.3 và điểm 2.4 Điều 2 Loại trừ bảo hiểm theo Điều khoản bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường hàng không ICC Air 1/1/82 được đính kèm theo Hợp đồng bảo hiểm vận chuyển số 03. Do đó khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, VBI phải có trách nhiệm bồi thường bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm đã ký kết. Nội dung kháng cáo của VBI không có căn cứ và không phù hợp với nội dung của hợp đồng, quy định của pháp luật và sự kiện bảo hiểm nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

**\* Đối với số tiền bảo hiểm, lãi chậm trả phải thanh toán:**

Toà án cấp sơ thẩm buộc VBI phải thanh toán cho CPC1 các khoản tính đến ngày 20/9/2024 tổng cộng là 31.938.954.425 đồng, trong đó: Tiền bảo hiểm 26.621.954.425 đồng; Tiền lãi chậm trả được tính từ ngày 22/9/2022 đến ngày 20/9/2024 là 5.317.000.000 đồng, với mức lãi suất 10%/năm từ ngày 22/9/2022.

VBI không có nội dung kháng cáo hoặc ý kiến khác về số tiền bảo hiểm, lãi chậm trả phải thanh toán nêu trên nên có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Từ những phân tích trên căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định không chấp kháng cáo của Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VBI) và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 116, 117, 118, 119, 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015;
- Căn cứ Khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 97; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244, Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280, Điều 299, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.
- Căn cứ Điều 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 21, 29, 30, 40, 41, 43, 46, 47, 48 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000, sửa đổi bổ sung năm 2019.
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VBI). Xử:**

1. Giữ nguyên quyết định của Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 96/2024/KDTM-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa.

2. Về án phí phúc thẩm:

Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VBI) phải chịu **2.000.000 đồng** (Hai triệu đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, đã nộp theo biên lai số 0065124 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND Q. Đống Đa;
- Chi cục THADS Q. Đống Đa;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**



**Bùi Đức Bằng**